

Kinh Quan Trung Sáng Lập Giới Đàn Đò

Quan Trung Sáng Lập Giới Đàn Đò Kinh

Đường Đạo Tuyên soạn

*Bản Viết dịch của **Thích Thọ Phước***

* * *

Vì tôi ngu muội, nên ngay từ nhỏ đã vào trường nghiên cứu sâu giáo nghĩa, tham vấn các bậc hiền minh; hỏi đạo từ những vị bậc dứt Nho văn, kính đức nơi bậc kế thừa được đạo. Vì thế, tôi không học với một thầy cố định, mà rong ruổi nghìn dặm như trong gang tấc; chỉ lấy giáo pháp làm nhiệm vụ, nên chân đi khắp Quan Hà như chiếc thuyền con. Lại đi suốt Ngụy-Tấn, xem đọc rất nhiều những điều mới nghe; dạo bước vùng Giang-Hoài, nhân duyên hình thành từ những điều trên đường đã thấy biết.

Vì thế, đến năm ba mươi tuổi, tôi mới biên soạn những điều cốt yếu của luật nghi, kế hoạch của hành sự[1], đồ hình, truyện kí mở tâm cho người học đương thời; số giải, sao văn, khai trí cho hàng thức; hoặc chú, hoặc giải đều dẫn dụng các bộ kinh xưa; lúc chê, lúc khen, cốt ở chỗ thành tựu sự nghiệp; giải thích đầy đủ như đã thấy; dần dần lan rộng dần có thể biết. Đến như giới bản, đàn tràng chưa được trình bày rộng rãi, tuy nhân nơi sự mà trình bày, nhưng hoàn toàn không phải những lời sai trái. Người thời nay buông lung tâm ý, sớm tối làm những việc thấp hèn, một khi đi trên con đường này, thì có thể bị rơi vào không

biết bao nhiêu hăm hốt. Vì thế, tôi phải nhanh chóng viết ra để loại trừ những điều sai trái, ngăn chặn những việc lỗi lầm.

Niên hiệu Càn Phong thứ hai (667), phía nam Kinh đô, sáng lập và hoằng truyền pháp này.

Sở dĩ lập giới đàn là vì giới. Giới là gốc hạnh của chúng thánh, là mạng căn của ba pháp. Thế Tôn nhờ đây mà phát khởi lòng từ. Hàng phàm phu nhờ đó mà đạt đến tịch diệt. Cho nên, văn ghi: “Làm sao biết được Phật pháp có thể trụ được lâu dài? Nếu ở vùng trung quốc thì phải đủ mười tì-kheo, vùng biên địa thì phải đủ năm tì-kheo, thụ giới đúng pháp, đó gọi là chính pháp trụ được lâu”. Vì thế nên biết, thể tính oai nghi của tì-kheo, không có giới thì không tồn tại; đạo ắt do người truyền, không có giới không thể lập. Giới do tác nghiệp mà thành tựu, nghiệp ắt phải nhờ vào xứ mà phát sinh. Xứ chính là giới đàn; lên-xuống thì tâm nhân tỏa phát; địa tức là thẳng thiện, xướng-kết thì sự dụng chu toàn. Vậy, há chẳng phải dùng nghi thức phi thường để tác động đến tâm ý phi thường hay sao?

Thế nên, do biết rõ tính bao quát của giới đàn mà bàn luận, nên ‘xứ’ được thành; nhờ nghiên cứu tầm quan trọng của giới đàn, mới thấy hành sự thật khó định mực thước. Vì thế, các văn luận ghi: “Phương tướng[2] thì không rõ ràng ranh giới, xướng lệnh thì có người mờ mịt duyên trước mắt; chúng tập hợp lại có người không biết cương giới chung-cương giới riêng, vẫn hòa lại không biết là thành hay không thành. Không có cương giới thì hoàn toàn trái với luật Phật, tuy thụ giới nhưng không đặc, vì không có cương giới”. Thế mới biết, trên khoảng không mà xây nhà thì chỉ uống phí

công sức, không có đàn mà kết giới thì tâm thù thắng không phát sinh.

Nay tôi tìm đọc hết những kinh sách, đúc kết lại những gì đã nghe, mở ra môn đầu tiên của pháp thí, nương theo phép tắc xưa của pháp trụ. Nếu không phân biệt đường lối thì người học không biết được nguyên nhân. Vì thế, tôi tạm lập ra các môn để những người thông minh trí tuệ biết luật nghi chẳng phải sáng lập xằng bậy.

1. Kết giới và dạy lập đàn

Xây dựng nền móng đàn tràng, vốn chỉ có Phật. Mười phương cùng tụ tập, trình bày rõ về đàn tràng. Thuở xưa, đức Như Lai Quang Minh Vương đầu tiên luận về việc kiến lập. Vì thế, việc kiến lập do các bậc thánh nhân, chứ chẳng phải do người mưu tính, nên cần hết mực kính trọng.

2. Đặt danh và hiệu

Xem hết luật, luận, phần nhiều đều gọi là 'giới đàn'. Nhưng vì thế tục lúc bấy giờ lẫn lộn giữa đàn và tràng, không thể phân biệt được, nên tôi mới dẫn các sách để phân biệt, danh và thật cùng nêu, chứ đâu chỉ theo thói quen cổ chấp khó thay đổi?.

3. Hình dáng, tầng lớp và tướng trạng

Đã gọi là 'đàn' tức nền phải cao hơn mặt đất, hình dáng giống như núi Tu-di, tướng giống như tòa ngời của Phật. Bốn hàng bậc thềm, bao quanh ba lớp, có linh cốt trấn giữ, làm cho pháp hưng thịnh và trụ được dài lâu.

4. Cao, thấp, rộng, hẹp

Qui định cao, thấp phải căn cứ theo khủ tay Phật. Rộng, hẹp tùy theo trường hợp, lớn nhỏ cũng không có hạn cuộc, đều do người có hiểu biết trao đổi, bàn bạc rồi qui định.

5. Bên trong và bên ngoài đại giới

Khảo cứu hết các bộ luật, thì trong-ngoài đều tùy điều kiện. Nay căn cứ theo nghĩa để tìm hiểu, thì bên ngoài có ý khác.

6. Pháp kết giới trước hay sau

Theo cách làm của người xưa thì phải kết đại giới trước. Nay kiểm tra kĩ những kinh sách hiện còn, thì thấy nói lập đàn trước, kết giới sau.

7. Nhóm họp Tăng gần hay xa

Lập đàn, đầu tiên hẳn phải đắp nền, cho đến phép tắc nhóm họp Tăng, đó vốn đã thành qui củ. Nhưng vì người học đời sau phần nhiều theo ý mình, xem thường sự nghiệp của mình, nên nhất định phải y lời Phật dạy, theo đúng pháp mà nhóm họp Tăng.

8. Yết-ma thành hay không thành

Tiếng Phạn gọi là Yết-ma, Trung Quốc dịch là Tác nghiệp, nghĩa là phải phân biệt thành hay không thành, hiểu rõ thời gian và cơ duyên; Tăng là hòa hợp không chống trái. Bàn về "sự" thì bốn giới, mỗi mỗi đều tóm thâu.

9. Phép tắc thụ giới

Phương pháp thụ giới, xưa nay tiếp nối kế thừa, nếu đàn không có thêm bậc thì khi lên đàn sẽ mất hết thứ tự. Cho nên, Đức Phật chế định ra khuôn mẫu, khiến giữa thầy trò có phép tắc; nhiều, quỳ, đứng giống như máy móc vận chuyển đúng phép.

10. Công năng xa gần

Một khi tăng đã kết giới rồi, thì kéo dài sáu vạn năm; ba pháp đã mất dù trải qua nghìn thánh mà đàn vẫn còn, nên gọi là Kim cang đạo tràng. Tên gọi và ý nghĩa như thế nếu chẳng phải Phật thì không ai có thể hiểu được. Hàng phàm phu chỉ biết kính tuân theo, chứ không thể xem thường.

11. Ca ngợi công đức

Công đức cao quý của giới đàn, các bậc thánh đều noi theo. Kiến lập căn lành vô thượng, đốn trừ những hệ lụy thấp hèn... Tất cả đều từ đất này, nên mới được tôn sùng. Như vậy, há không đáng ca tụng công cao, khen ngợi thánh đức hay sao?.

1. Lần đầu tiên kết và dạy cách lập giới đàn.

Biệt truyện ghi: “Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ Thụ. Bấy giờ, vì để kết giới, thụ giới nên tì-kheo Lâu-chí xin phép Phật được lập đàn. Lúc ấy, Như Lai bằng lòng và cho lập ba đàn: Đàn phía đông của cửa Phật viện gọi là ‘Phật vì tì-kheo kết giới đàn’. Đàn phía tây của cửa Phật viện gọi là ‘Phật vì tì-kheo-ni kết giới đàn’. Đàn phía nam của cửa phía đông ngoại viện là ‘Tăng vì tì-kheo thụ giới đàn’.

Ngày đầu tiên lập đàn, có chư Phật khắp mười phương nhóm họp. Lúc ấy, có tám trăm ức Đức Phật cùng tên là Thích-ca. Các Đức Phật khắp mười phương cũng có tên như vậy.

Bấy giờ, Đại Phạm Thiên vương lập giới đàn ở phía đông bên trong Phật viện. Ma vương Ba-tuần lập giới đàn ở phía tây bên trong Phật viện. Khi hai đàn này đã lập xong, các Đức Phật đều lên ngồi trên đó cùng nhau bàn luận về việc kết giới và các tướng trì phạm, nặng nhẹ v.v... Các Ngài lại bàn về việc độ tì-kheo-ni sẽ làm chính pháp bị diệt. Nhưng cuối cùng các Đức Phật đều luận: “Thuở xưa có bốn bộ, nay lẽ nào không có sao?”. Tuy ban đầu chính pháp diệt một nửa, nhưng nếu có thể thực hành bát kính giới[3] thì chính pháp trụ lại một nghìn năm. Cho nên, hai đàn này chỉ có các Đức Phật mới được lên để cùng nhau bàn các Phật sự.

Trong đàn Tăng thụ giới, tuy Phật không được xếp vào số Tăng, nhưng có lúc độ bậc thánh, thì Phật cũng đến đàn này. Vì chỉ tạm thời hành sự, nên không xếp Phật vào túc số Tăng khi tham gia các pháp yết-ma.

2. Đặt tên, nêu hiệu giới đàn.

‘Tràng’ và ‘đàn’ mà trong luật luận thường nêu là hai loại khác nhau. Các nước ở Tây Thiên[4] đều có định nghĩa riêng. Còn ở Trung Quốc vốn chưa hành sự, nên cũng không có gì lạ. Nay xin xác định danh và thật của chúng, hoặc nêu những ý kiến khác.

Tăng truyện ghi: “Khoảng niên hiệu Nguyên Gia (424-445) vua Văn Đế đời Tống, thánh tăng Công Đức Khải du hóa ở

Kiến Nghiệp, lập giới đàn trong khu vườn trước chùa Nam Lâm để người lên đàn thụ giới. Sau khi vị ấy qua đời, lại đặt thân trên đàn ấy mà hỏa táng”. Lại có những việc khác như dẫn chứng dưới đây:

Như Tì-ma-la-xoa, người dịch lại bộ luật Thập tụng[5] trả lời pháp sư Tuệ Quán về những việc trong Ngũ bách vấn[6] cũng có nói: “Trên đàn, sư Tăng vì người thụ giới”. Trong các văn khác có nói đầy đủ, ở đây không cần phải ghi lại. Cho nên biết, tên gọi ‘đàn’ vốn đã có từ lâu. Nhưng vì người thời nay không biết nên mới lẫn lộn đồ đồng là tràng thì bằng, đàn thì cao mà không phân biệt được sự khác nhau giữa hai loại ấy. Thật là sai lầm!

Biệt truyện ghi: “Sau khi Đức Phật niết-bàn, tôn giả Ca-diếp muốn kết tập kinh, nên lên giới đàn rồi sai Tiểu Mục-liên gõ chuông triệu tập trăm ức chúng tăng phạm-thánh bốn phương. Khi chúng tăng đã tập hợp trên đàn, tôn giả Ca-diếp liền bạch tứ yết-ma phạt tội tôn giả Tân-đầu-lô và tôn giả A-nan. Sau đó, tôn giả Ca-diếp bảo tôn giả A-nan đắp tăng-già-lê của Phật và thỉnh thăng tòa, rồi trước tụng kinh Di giáo, giống như Đức Phật đang khuyên răn, khiến cho các đại Bồ-tát, A-la-hán, tám bộ trời, rồng v.v... đều buồn thương rơi lệ. Bấy giờ tôn giả Ca-diếp đứng dậy, đắp tăng-già-lê vải thô, cầm ni-sư-đàn đến trước tôn giả A-nan, trải ni-sư-đàn, đỉnh lễ A-nan, rồi nhiễu ba vòng theo chiều bên phải. Khi ấy, Đại Phạm Thiên vương cầm lọng báu lớn che tôn giả A-nan; chủ cõi trời Đao-lợi đem chiếc bàn bảy báu đặt trước tôn giả A-nan; ma vương Ba-tuần đem phất trần bảy báu dâng lên tôn giả A-nan. Kế đến ma vương và Đế Thích hầu hai bên; Tứ Thiên vương đứng hầu ở bốn chân tòa cao; ba mươi hai sứ giả hổ quy[7] sau tôn giả Ca-diếp.

Sau khi đỉnh lễ ngài A-nan, tôn giả Ca-diếp đứng dậy tiến đến thăm hỏi về những sinh hoạt hằng ngày giống như khi đức Thế Tôn còn tại thế, không khác. Bấy giờ, tôn giả Ca-diếp đặt ba nghìn tám trăm câu hỏi về những việc còn nghi ngờ, tôn giả A-nan đều trả lời hết”.

Ở đây chỉ nêu ra vấn đề giới đàn, những việc khác không đề cập đến. Về vấn đề giới đàn, tôn giả Ca-diếp hỏi:

– Thầy theo Như Lai hai mươi năm, Như Lai dạy phải làm giới đàn cao, thấp, rộng, hẹp bao nhiêu khuỷu tay? Trên giới đàn có an trí xá-lợi không? Bốn mặt giới đàn xây bằng vật liệu gì? Bốn mặt, mỗi bên có bao nhiêu bậc thềm? Chung quanh bốn mặt đàn tạo những hình tượng gì? Nếu trong nước không có đá thì đắp đàn bằng đất, cát được không?

Tôn giả A-nan trả lời giống như đồ hình trong quyển này (Xem phụ lục).

Giới đàn ở Kì-hoàn là giới đàn đầu tiên. Phía bắc giới đàn có đài chuông, cao bốn trăm xích[8], bên trên có chuông vàng nặng mười vạn cân[9], trang nghiêm hiem có; phía dưới có tượng chín con rồng cuộn tròn, miệng rồng phun nước tám đặc tính.

Khi người sắp thụ giới đến đàn, rồng liền phun nước quán đỉnh[10], giống như nghi thức Chuyển luân vương lên đàn tiếp nhận vương vị. Cho nên, người bắt đầu thụ giới giống như Phật là đấng Pháp vương nhận giai vị Pháp vương. Ngoài ra, còn có ánh sáng của ma-ni châu chiếu vào người thụ giới, khiến họ được mát mẻ. Việc này cũng biểu thị cho giới châu của người thụ thanh tịnh.

Khi thánh nhân thụ giới, thì tất cả bồ-tát đánh chuông. Tiếng chuông chấn động cả ba nghìn thế giới, người nghe đều chứng quả, các đường ác dừng các hình phạt. Khi phàm phu thụ giới thì sai tì-kheo Ma-đề đánh chuông. Tiếng chuông vang khắp tiểu thiên thế giới. Tì-kheo ấy có sức mạnh bằng mười vạn người.

Đài chuông có hình dáng giống núi Tu-di. Trong hồ lớn phía dưới đài có chín con rồng vươn đầu cao và cuộn tròn. Trên các xà nhà, trụ cột v.v... đều có gắn đầu rồng được làm bằng vàng ròng. Mái ngói lợp bằng pha-lê báu. Nếu có người thụ giới lên đàn, các rồng liền cử động, miệng phun ra mưa thơm, mây thơm phủ khắp đàn. Quanh lòng hồ được xây bằng bạch ngọc, đáy hồ trải cát bạc, nước trong vắt có vị ngọt như sữa, mật. Những người giữ giới, nếu có bệnh mà uống nước hồ này thì tất cả bệnh đều lành. Người phá giới uống nước này như nuốt nước sôi nóng. Khi Đức Phật sắp niết-bàn, nước hồ ấy tự nhiên khô cạn, mái ngói cũng bay mất. Đến khi tôn giả Ca-diếp kết tập, tôn giả Anan trả lời, thì ngói xuất hiện lại, hồ lại có nước màu trắng giống như sữa, nhưng không có vị của sữa. Đây là biểu trưng cho việc sau khi Đức Phật nhập diệt, chính pháp cũng diệt theo, dần dần không còn mùi vị Phật pháp. Như kinh Niết-bàn ghi: "Giống như thêm nước vào sữa", có thể theo đó mà biết được.

Khi việc kết tập, hỏi đáp kết thúc, Tăng đi vào vương thành, thì chuông lớn và đài báu đều bay lên trời Đâu-suất; hồ ngọc và cát bạc được vua rồng lấy đi; nước cũng khô cạn. Ngày nay, trên khu đất đó không còn vết tích gì, nhiều người không biết nhân duyên ban đầu và vị trí lập đàn, nên ở đây phải trình bày đầy đủ.

Tên gọi 'đàn' đã được định từ khi Đức Phật còn tại thế. Các kinh, luật, luận truyền đến Trung Quốc đều nói đến cách thức kết tập tại hai nơi ở Vương thành. Tuy có thêm bớt sai biệt, không đồng, nhưng cũng không hại gì đến việc tôn giả A-nan lên tòa làm một bậc Đại sư kết tập giáo pháp. Dù vậy, nay chỉ còn giữ những nghi vấn của tôn giả Ca-diếp và việc A-nan lên tòa giống Phật, làm cho tất cả tì-kheo đều nghi tôn giả A-nan là Phật. Nhưng khi họ nghe tôn giả A-nan nói 'Chính tôi được nghe' thì mọi người đều hết nghi ngờ.

Như những gì truyền lại đến ngày nay, thì những bậc thông đạt còn không thấy ở quốc độ này; người kết pháp tướng còn không tự biết, huống gì những điều ngày nay nêu ra, nếu có người không tin thì đó cũng là lẽ thường mà thôi.

Sau khi Đức Phật nhập diệt, đến thời kì chính pháp, tượng pháp, thì nghi thức kết tập đã có nhiều cách khác nhau. Ở đây tạm nêu ra năm trường hợp, như lần đầu tiên có năm trăm người, lần thứ hai một nghìn người, lần thứ ba do đại chúng, lần thứ tư do vua A-dục và lần thứ năm có bảy trăm người...; còn có những trường hợp khác nhưng ở đây không nêu. Những điều nói trên đều là Tiểu thừa kết tập. Còn theo quan điểm của Đại thừa thì như tôn giả A-nan, tôn giả Ca-diếp kết tập toàn bộ ba tạng ở Vương thành; bồ-tát Văn-thù và các đại bồ-tát kết tập tóm lược ở núi Thiết Vi giống với các kinh ở Trung Quốc nói.

3. Tướng trạng-tăng bậc-hình dáng.

Căn cứ theo tên gọi mà hiển thị tướng trạng, nhưng theo lí thì tướng trạng có sai khác. "Trường" là nơi được quét dọn sạch sẽ, san lấp bằng phẳng không có gò, trũng. Giống

như người đời sửa sang dọn dẹp làm cho một nơi nào đó bằng phẳng, đó chính là “trường” vậy. Hí trường, chiến trường, theo đây cũng có thể hiểu được.

Đến như tướng trạng của đàn thì do đào đất đắp nền mà thành, như những đàn cúng tế bên ngoài bốn phía thành. Tôi xem xét các đàn, thì thấy đàn vuông rất nhiều. Riêng loại đàn hình tròn, về phần nền chia làm chín phần và mỗi phần đều lập bậc thềm. Nguyên nhân lập chín phần ấy như trong Biệt truyện đã có nói.

Ở đây nói giới đàn đầu tiên là do trời tạo. Trời tạo lập rất tinh xảo, vượt ra ngoài sự tính toán của con người. Nhưng kì thật, đàn ấy do Phật chỉ dẫn xây dựng, hàng phàm phu không thể suy lường được. Cho nên, tướng trạng của đàn ấy không giống với những đàn của người thế gian.

Biệt truyện ghi: “Giới đàn từ đất xây lên, có ba tầng, biểu thị cho ba không[11], là cửa đầu tiên bước vào Phật pháp. Phá trừ mê mờ của phàm phu, chẳng phải ‘không’ thì không thể phá được. “Ba không” là nơi dạo chơi của những bậc đắc đạo, chính giới là nền móng của các điều thiện, cho nên chỉ giới hạn trong ba tầng.

Thuở xưa, Đức Phật Quang Minh Vương chế định đàn cao bằng năm khuỷu tay của Phật, biểu trưng cho năm phần pháp thân. Đức Như Lai Thích-ca giảm còn hai khuỷu tay rưỡi, lại thêm hai tắc, chia làm ba tầng. Sau đó, Thiên Đế Thích làm thêm một phần giống như cái chảo úp phía trên đàn để che xá-lợi. Đại Phạm vương lại dùng bảo châu vô giá đặt trên hình cái chảo úp để cúng dường xá-lợi. Như vậy, có tất cả năm tầng, biểu thị cho năm phần pháp thân[12].

Lần đầu tiên, khi Đức Phật còn tại thế, lúc giới đàn được lập trong vườn Kỳ-hoàn, Đại Phạm vương cúng dường bảo châu lớn như cái bình năm thăng. Người có phúc đức lớn thì thấy bảo châu phóng ánh sáng chiếu tám trăm do-tuần[13]. Người phúc đức mỏng thì bảo châu tối đen như đồng mực.

Trong một đời giáo hóa của Như Lai, bảo châu ấy thường ở trong giới đàn, đến khi Phật niết-bàn, bảo châu ấy cũng mất theo. Khi tôn giả Đại Ca-diếp kết tập, bảo châu xuất hiện trở lại. Đến khi tôn giả A-nan diệt độ, bảo châu ấy lại biến mất. Sau đó, Đại Phạm vương mới đem hạt minh châu thể vào chỗ ấy để cúng dường xá-lợi. Bảo châu được đặt trên hoa sen báu, dưới lại có hình chín con rồng nâng hoa sen.

Sau đó, trời Đế Thích lại dâng hai viên châu để cúng dường xá-lợi. Hai viên châu ấy được đặt trên hoa sen vàng, hoa sen đặt trên trụ vàng, trụ vàng đặt trên thân sư tử. Sau khi kết tập xong, hai viên bảo châu của Phạm Thiên vương đều biến mất. Còn hai viên châu của Đế Thích hiện tại được an trí trong vườn Hoan Hỉ trên cõi trời Đao-lợi để cúng dường Bát-nhã ba-la-mật.

Ngày nay, những nơi lập đàn vốn không có châu để cúng dường thì tùy theo khả năng có thể thắp hai ngọn đèn. Hai ngọn đèn ấy hoặc làm bằng đá, hoặc làm bằng gỗ, thường đặt trước đàn và phải cao hơn tầng trên cùng để ánh sáng chiếu ra xa, làm cho trên dưới đều sáng tỏ. Trên đàn phải trải đá làm đất. Mỗi khi có người thụ giới, thì ở góc phía tây nam đặt riêng một cái ghế cao để các tì-kheo tiến lên đó. Nhưng khi các tì-kheo bước lên thì gặp nhiều trở ngại. Bây giờ, tại phía tây đường bậc thềm tây thuộc mặt nam

của giới đàn, Đại Phạm vương hóa ra hoa sen bạc có cọng bằng sắt và một con rồng bạc; hoa sen có cơ quan tự động mở-đóng, các cánh sen tiếp nối nhau đến lan can và ngang bằng với tòa cao, giúp cho người đi lên không bị trở ngại. Tuy vườn Kỳ-hoàn đã hủy hoại và dấu vết của giới đàn ấy cũng đã mất, nhưng người đời nay, đời sau đều lấy đó làm chuẩn tắc mà lập giới đàn”.

Vào tháng chín, niên hiệu Càn Phong thứ hai (667), tôn giả Thích-ca Mật-đa-la đã 99 tuổi hạ, trụ ở chùa Đại Bồ-đề, Trung Ấn Độ đến Ngũ Đài đỉnh lễ bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Vì vua kính trọng, nên sai sứ giả đưa vị ấy đi. Khi về đến phía nam ngoại ô phía kinh thành, thì thấy giới đàn này, vị ấy vô cùng vui mừng và nói: “Các chùa ở Thiên Trúc cũng đều có giới đàn”.

Thế là sư kể về việc xây giới đàn bằng đá ở nước Ô-trượng-na. Mới biết, đông-tây tuy cách xa, nhưng việc lập đàn vẫn được tiếp nối kế thừa. Tướng trạng của đàn ấy được mô tả như sau: Hai tầng dưới được xây bằng đá, giống như hình núi chúa Tu-di, trên dưới đều có mái ngấn nhô ra. Bốn mặt đàn đều đặt các khám thờ. Trong khám an trí các tượng thần vương. Trên nền của hai tầng ấy đều xây lan can bằng đá. Dưới trụ lan can có tượng sư tử và thần vương bố trí xen nhau. Bốn góc của hai tầng này, dựng trụ đá cao hơn đàn. Bên ngoài trụ đặt tượng Tứ Thiên vương[14]. Bốn tượng này được đặt ở ngoài trống, nên đều tạc bằng đá, để cho bền chắc lâu dài. Trên lan can ở bốn góc có hình chim cánh vàng ngậm rồng bằng đá, tượng trưng cho từ-kheo đã thụ giới xong phải luôn tư duy về hoặc nghiệp để ngăn chặn, loại trừ. Chung quanh giới đàn đều bố trí hình các vị thần, tượng trưng cho tướng hộ trì bền chắc, lâu dài.

Đó đều là những thành phần bảo vệ Đại thánh, biểu thị cho việc hoằng đạo phát sinh điều lành. Tất cả đều được nói rõ trong đồ hình và truyện kí, cho đến hình dáng, uy nghi, tên gọi của mỗi loại đều được nêu đầy đủ. Cho nên, về 'nghĩa' thì khó mà che giấu, về 'sự' cần phải nêu rõ tên gọi, hiển bày tướng trạng, làm cho người nhìn thấy phát tâm, biết có những loài u và hiển bảo vệ.

Theo lời tựa của bộ Thần quỷ lục, ba quyển, do Lương Cao tổ ban sắc cho sư Thích Bảo Xướng[15] soạn có ghi văn tắt: "Từ khi Như Lai xuất hiện ở thế gian, chí giáo lan truyền xa rộng, tất cả các loài trời, rồng, quỷ, thần đều hướng về. Cho nên, chúng hay phụng dưỡng tam tôn, ủng hộ bốn bộ".

Tất cả quỷ, thần đều có chỗ nương ở, cho nên các vị thần ở trên mặt đất thì gọi là Kiên Lao. Cho đến các thần ở chùa, tháp, núi, rừng, sông, biển, gió, mây, như kinh Trường A-hàm đã nói, đều theo trụ xứ mà bảo vệ[16].

Ở đây, trước tiên nêu tên của những vị thần bảo vệ tháp Phật được trích ra từ kinh Hoa nghiêm, kinh Quán đỉnh, kinh Khổng tước vương, kinh Hiền ngu, kinh Đại tập và luận Đại Trí độ, v.v... Vì văn rườm rà, nên ở đây chỉ nêu tổng quát mà thôi. Có các vị thần Bạt-xà-la-ba-ni, Trung Quốc dịch là Kim. Có các thần Bà-lí-hán, Trung Quốc dịch là Lực Sĩ. Lại có thần Kiên Cố Quang Diệu, thần Nhật Quang Diệu, thần Tu-di Hoa, thần Tịnh Vân Âm, thần A-tu-la Vương (chỉ đặt tên là A-tu-la chứ không phải loài A-tu-la), thần Thắng Quang Minh, thần Thụ Âm Thanh, thần Sư Tử Vương, thần Thuần Hậu Quang Tạng, thần Châu Kế Hoa Quang. Mười hai vị Kim cang, Lực sĩ và thần vương vừa nêu đều trích từ kinh Tạp A-hàm. Thần Kim cang cầm chày kim cang, lửa

cháy hừng hực. Trong kinh, luật cũng nói: “Tám vị thần kim cang xếp hàng đứng hầu bốn mặt”... Hoặc ghi: “Năm trăm thần Kim cang thường theo hầu Phật”. Kinh Hoa nghiêm ghi: “Các thần Kim cang và Lực sĩ nhiều như số hạt bụi từ lâu đã phát nguyện theo hầu Như Lai, giữ gìn giáo pháp của Phật để lại”.

Nay nếu căn cứ theo văn trên để suy cứu hình tướng thì đó không thể gọi là giới đàn mà chính là tháp Phật, vì trong đó an trí xá-lợi. Vì linh cốt đặt trong ấy thì tại sao chẳng phải tháp? Đối với những người không hiểu tên gọi mà cố chấp thì không đáng nói đến. Bây giờ nêu ra một lần nữa thử xem! Như chữ ‘tháp’, theo Tự thư[17] Trung Quốc thì ‘tháp’ là danh từ chỉ vật, vốn không phải là danh từ của Ấn Độ. Nếu căn cứ theo bản tiếng Phạn, thì nơi tôn trí xương cốt Đức Phật gọi là tháp-bà, sang Trung Quốc lược bỏ chữ ‘bà’ chỉ còn lại một chữ ‘tháp’. Vì thế, trong kinh có khi ghi là thâu-bà, tốt-đổ-ba v.v... Trung Quốc dịch là ‘phương phần’, chính là phần mộ. Người xưa dùng chữ mộ (墓) mà không dùng chữ phần (墳), vì phần (墳) có nghĩa là đắp thêm đất lên trên. Như trong luật ghi: “Như Lai biết dưới đất có xá-lợi của Phật Ca-diếp, cho nên mới lấy đất đắp thêm lên”. Đây chính là nói về hình dáng của tháp-bà.

Nay giới đàn an trí xá-lợi Phật, nên tầng nền có khác, bốn mặt có bày tượng thần để bảo vệ và nêu danh hiệu. Chắc chắn là như vậy! Như trên nói có mười hai thần thường bảo vệ tháp Phật.

1. Tầng dưới: Đáy của tầng dưới tựa vào mặt đất. Đàn có năm bậc thềm, mỗi bậc thềm xếp hai vị thần, nên có tất cả mười vị. Lấy tầng dưới làm nền móng của giới đàn. Vì

nền móng chắc chắn như kim cang, nên xếp mười vị thần kim cang trên các bậc thềm.

– Bốn góc tầng dưới có an trí bốn vị thần lớn: Kim cang Lực sĩ, Kim-tì-la, Tán-chi. Bốn vị này đều bảo vệ tháp Phật, nên xếp đứng sừng sững ở bốn góc để bảo vệ nền móng. Vị thần ở góc đông nam tên là Bạt-xà-la-bà-ni (vị thần thống lĩnh Ban-chi-phân đại quân chủ); vị thần ở góc tây nam tên là Bà-lí-hán (vị thần thống lĩnh Ban-già-la-già-đa đại quân chủ); vị thần vương ở góc tây bắc tên là Kim-tì-la (vị thần thống lĩnh Bà-đa-kì-lợi đại quân chủ); vị thần tướng ở góc đông bắc tên là Tán-chi (vị thần thống lĩnh Hê-ma-bạt-đa đại quân chủ).

Bốn mặt của tầng dưới được sắp xếp như sau: Mặt nam có hai đường bậc thềm: Một, đường bậc thềm mé đông có hai vị thần: vị thần phía đông tên là Kiên Cố Quang Diệu, vị thần phía tây tên là Nhật Quang Diệu. Hai, đường bậc thềm mé tây có hai vị thần: vị thần phía đông tên là Tu-di Hoa, vị thần phía tây tên là Tịnh Vân Âm. Mặt đông có một đường bậc thềm, trên đó xếp hai vị thần: vị thần ở phía nam tên là A-tu-la vương, vị thần ở phía bắc tên là Thắng Quang Minh. Mặt tây có một đường bậc thềm, trên đó có xếp hai vị thần: vị thần ở phía nam tên là Thụ Âm Thanh, vị thần ở phía bắc tên là Sư Tử vương. Mặt bắc có một đường bậc thềm, trên đó có xếp hai vị thần: vị thần ở phía tây tên là Thuần Hậu Quang Tạng, vị thần ở phía đông tên là Châu Kế Hoa Quang.

2. Tầng thứ hai.

Bốn góc trên tầng thứ hai có bốn vị Thiên vương bảo vệ Phật pháp và chúng sinh. Như vậy đâu chỉ bảo vệ đàn tháp

mà còn bảo vệ những loài hữu tình bên ngoài nữa. Vì thế cần phải tạo lập hình tượng và tùy theo phương hướng mà bài trí.

Kinh Quán đĩnh ghi: “Sau khi Đức Phật nhập diệt, năm vị thần: Ngũ La quỷ thần, quỷ tử mẫu và năm trăm quỷ con, Ma-hê-thủ-la, Ma-ni-bạt-đà, Tu-lợi-kiền-đà thường bảo vệ mộ tháp, không để cho những kẻ tà vạy quấy rối phá hoại. Nếu tháp bị phá hoại thì biết là điềm chính pháp sắp diệt, cho nên mới khiến như vậy”.

Ở góc đông bắc có thiên vương Đề-đầu-lại-tra thống lãnh chúng càn-thát-bà và tì-xá-xà, trụ ở phía đông châu Phất-bà-đề. Luận Đại Trí độ ghi: “Tứ Thiên vương đều thọ chín trăm vạn tuổi; mỗi vị đều có chín mươi một người con, đều bảo vệ Phật pháp”. Vị thiên vương ấy thống lãnh bốn vị thần quân chủ. Điều này được trích từ kinh Quán đĩnh, văn dưới cũng trình bày giống như đây.

Nền tầng hai của giới đàn: Ở mặt đông có hai đường bậc thềm, mỗi đường có an trí hai vị thần: Đường bậc thềm phía nam có hai vị thần: vị thần phía nam tên là Địa Kha, vị thần phía bắc tên là Tu-niết-đa-la. Đường bậc thềm phía bắc có hai vị thần: vị thần phía nam tên là Phân-na-kha, vị thần phía bắc tên là Ca-tì-la. Thiên vương ở góc đông nam tên là Tì-lâu-lặc-xoa, thống lãnh chúng cửu-bàn-trà và chúng bệ-lệ-đa, trụ ở châu Diêm-phù-đề. Bốn vị thần quân chủ mà vị thiên vương này thống lãnh được chia ra an trí trên hai đường bậc thềm phía nam, mỗi bậc hai vị thần. Trong đó trên đường bậc thềm phía đông có hai vị thần: vị thần phía đông tên là Tăng-già, vị thần phía tây tên là Ưu-ba-tăng-già; trên đường bậc thềm phía tây có

hai vị thần: vị thần ở phía đông tên là Thường-khởi-la, vị thần ở phía tây tên là Chiên-đà-la.

Vị Thiên vương ở góc tây nam tên là Tì-lâu-bác-xoa thống lãnh các chúng rồng và chúng phú-đa-la, trụ ở châu Tây Cù-da-ni. Bốn vị thần quân chủ mà vị này thống lãnh được chia ra an trí trên hai đường bậc thềm mặt tây, mỗi bậc hai vị thần. Trong đó, trên đường bậc thềm phía nam có hai vị: vị thần phía ở nam tên là Ha-lợi, vị thần ở phía bắc tên là Ha-lợi-chỉ-xá. Đường bậc thềm phía bắc có hai vị: vị thần ở phía nam tên là Ba-la-phó, vị thần ở phía bắc tên là Băng-già-la.

Vị thiên vương ở góc tây bắc tên là Tì-sa-môn thống lãnh chúng dạ-xoa và chúng la-sát, trụ ở châu Bắc Uất-đơn-việt. Vị thiên vương này nhiều lần đến cõi Diêm-phù-đề, trong lòng bàn tay đang nâng tháp Phật, trong ấy có xá-lợi của cổ Phật. Khi Đức Phật còn tại thế, Ngài khuyên vị ấy mang tháp Phật đi khắp nơi bảo vệ Phật pháp, khiến cho Phật pháp tồn tại lâu dài. Phật lại sai vị thiên vương có oai đức và thế lực này thống lãnh bốn vị thần quân chủ. Bốn vị thần này được chia ra an trí tại hai mé của đường bậc thềm mặt bắc, mỗi mé có hai vị. Trong đó, mé tây có hai vị thần: vị thứ nhất tên là Đà-la-na, vị thứ hai tên là A-la-nan-đà. Mé phía đông có hai vị: vị thứ nhất tên là Uất-dữu-già-ba-la, vị thứ hai tên là Biệt-tha-na.

Kinh Hiền ngu ghi: “Những quỷ thần ấy đều tên là Dạ-xoa, thân màu xanh hoặc đen, mắt đỏ như máu, răng nanh chìa lên trên, tóc dựng đứng, miệng phun lửa”. Tuy kinh nói như thế và luận cũng đã trình bày về tướng trạng, nhưng về nghĩa thì cần phải hiểu theo cách khác, không thể chỉ có một hình tượng.

Trên tầng thứ hai của giới đàn, ở đầu của bảy đường bậc thềm trên bốn mặt, mỗi mỗi đều có hai vị thần. Như vậy, tổng cộng có tất cả mười sáu vị thần. Tất cả những vị thần ấy đều có tên gọi, như trong kinh Quán đỉnh nói. Những vị thần được Tứ Thiên vương thống lĩnh, phân phối sắp xếp theo tên gọi và vẫn giữ nguyên số lượng như trên, nhưng số còn lại thì không thể tính biết hết!

Những vị thần trong khám thờ ở phần mái nhô ra giữa hai tầng, trong kinh nói rất nhiều. Ở đây căn cứ theo kinh Khổng Tước vương nói, thì có bảy vị thần sao y theo từng phương mà bảo vệ.

Trong tầng trên của giới đàn tạc khám thờ rất ít, chỉ đủ để xếp bảy vị thần sao phân chia ngôi trong đó. Nhưng hai mươi tám vị thần sao ẩn-hiện, tăng-giảm không đồng, thường đến thế gian, phóng ánh sáng, làm lợi ích lớn.

Bảy vị thần sao ở phía đông: Cơ-lật-đế-kha, Lỗ-hỉ-ni, Mê-lê-già-thi-la, A-đà-la, Bất-nại-na-bà-tu, Phất-sa, A-sa-li-sa. Bảy vị thần sao ở phía nam tên là: Ha-khả, Vũ-phả, Cầu-ni, Ha-sa-đa, Chất-đa-la, Sa-đế, Tì-thích-kha. Bảy vị thần sao ở phía tây tên là: A-nậu-la-tha, Chiết-sa-tha, Mâu-lam, Phất-bà-sa-tha, Uất-đa-la-sa-tha, A-tì-chỉ, Sa-la-ba-na. Bảy vị thần sao ở phía bắc tên là Đà-nhĩ-tha, Xá-đa-tì-sa, Phất-bà-bạt-đà-la, Uất-đa-la-bạt-đà-la, Li-bà-đế, A-tuy-ni, Bà-la-ni.

Hai mươi tám vị thần nêu trên phân chia đều cho bảy khám thờ và sắp xếp theo danh vị. Cho đến, tầng dưới cũng có tạc khám thờ, căn cứ theo phương hướng mà xếp đặt hình tượng, số lượng cũng rất nhiều. Đến lúc phân chia hình tượng sẽ y cứ theo kinh Ưu-bà-tư-na-chú và kinh Quán

đỉnh mà định. Tên gọi của các vị thần rất nhiều và cũng căn cứ theo phương hướng mà trụ. Đến lúc y theo kinh, tùy số khám nhiều-ít sẽ nêu danh hiệu, ở đây sợ văn dài dòng, nên không nêu ra.

Tầng thứ ba trên cùng chỉ cao hai tấc[18], biểu thị cho hai đế. Ở đây muốn nói khi các Đức Phật nói pháp thường nương vào hai đế này. Đồng thời cũng biểu trưng cho người xuất gia, thụ giới phải biết hai đế là nơi qui hướng. Vì sao? Vì khi hai nghiệp thân và khẩu động thì phải nương vào tướng. Tướng là những hiện hữu của thế gian. Mục đích của tâm hành[19] là lấy việc lìa tướng làm gốc. Gốc là nơi nương tựa của con đường xuất li. Vì thế, hai tấc là hạn lượng chuẩn xác.

Bốn góc tầng trên của đàn đều an trí tượng sư tử. Trên lưng tượng sư tử có lỗ trống. Trước khi hành sự phải bày biện nghi thức tôn nghiêm, cắm cán trướng vào lỗ trống trên lưng sư tử. Sự trang nghiêm của trướng tùy vào khả năng mà bày biện. Tầng trên của đàn có hình vuông, mỗi cạnh là bảy thước, biểu trưng cho bảy giác ý. Hàng Tam thừa vào đạo không ra ngoài ba mươi bảy phẩm. Trong ba mươi bảy phẩm ấy, thì bảy giác ý thuộc tư duy, chọn lựa đạo, công năng cao nhất, nên xếp trên cùng.

Trong vòng một trượng[20] quanh đàn nên trồng hoa, cỏ thuốc bốn mùa, bên ngoài vùng này lại trồng thêm tám hàng hoa và các loại cây khác. Luận Thiện kiến ghi: “Giới đàn rất nhỏ, chỉ chứa hai mươi một người”. Ở đây áp dụng cho trường hợp nêu tội. Như vậy, cũng không phân biệt sự khác nhau “đàn” và “trường”.

4. Sự cao, thấp, rộng, hẹp của giới đàn.

Biệt truyện ghi: “Khi kết giới đàn cho tì-kheo thụ giới cụ túc, đầu tiên đức Như Lai Thích-ca đã triệu tập các Đức Phật trong mười phương. Bấy giờ, Đức Phật Tu-di Đăng Quang Minh Vương có thân lượng cao lớn nhất. Thân Đức Phật ấy cao năm trượng, nên chư Phật muốn lập giới đàn ba tầng, mỗi tầng cao năm khuỷu tay Phật, biểu trưng cho năm phần pháp thân. Như Lai Thích-ca nói: ‘Chúng sinh ở thế giới Ta-bà khả năng thấy nghe đều kém cỏi, nếu lấy năm khuỷu tay Phật làm định lượng thì e rằng chúng sinh lười biếng, không cách gì thành tựu được, vì thế tất cả các Đức Phật đều đồng ý lập giới đàn bằng hai khuỷu tay rưỡi của Phật Ca-diếp để dễ dàng thành tựu hơn’”.

Sở dĩ lấy khuỷu tay Phật làm lượng là vì xương khuỷu tay của các Đức Phật đều là kim cang, nên khi thiêu, xương khuỷu tay không bị cháy. Vì xá-lợi bền chắc lưu truyền giáo hóa khắp mọi nơi. Vì thế kích thước giới đàn mới lấy khuỷu tay Phật để ấn định. Lại cũng muốn khiến cho tì-kheo giữ giới bền chắc như kim cang không bị hủy hoại. Giới đàn cũng như thế, dù trải qua kiếp hoại, nhưng vẫn tồn tại mãi mãi.

Một khuỷu tay của Như Lai Thích-ca bằng hai khuỷu tay của người bình thường. Khuỷu tay người thường dài một thước năm tấc tính theo thước đo đời Đường. Vậy, một khuỷu tay Phật bằng ba thước đời Đường. Hai khuỷu tay rưỡi của Phật thì bằng năm thước năm tấc đời Đường. Nếu lấy khuỷu tay của Phật Ca-diếp làm lượng thì còn dài hơn khuỷu tay của Phật Thích-ca.

Giới đàn bằng đá ở phía đông Thiên Trúc ngày nay có chiều ngang hai trăm bộ, cao khoảng một trượng. Như vậy, kích thước giới đàn thay đổi theo thời gian không cố định. Nay

nói theo thân một trượng sáu của Đức Phật Thích-ca, thì tầng dưới của giới đàn, từ đất xây lên cao một khuỷu tay Phật, tức cao bằng ba thước đời Đường. Nghĩa là tính từ chỗ ngồi bên dưới phần mái nhô ra, những chỗ khác cũng giống như vậy.

Tuy trên có ba phần mái nhô ra, dưới có bốn phần mái, nhưng chính vì có nhiều phần mái nhô ra như vậy nên mới tạo ra sự đẹp đẽ. Lại nữa, đàn xây ở chỗ đất trống, được các mái này che rộng nên gió, mưa không thổi tạt vào. Cũng nhờ vậy, dù các tượng thần vương ở khám thờ trong thời gian lâu mà vẫn bền chắc. Như hiện nay chùa có tạo mái hiên, há không phải như thế sao? Nhưng không được làm quá một khuỷu tay vì sợ nứt. Lại phần mái này biểu thị cho việc từ-kheo lên đàn thụ giới buộc tâm chuyên nhất, không tán loạn.

Tầng thứ hai của giới đàn cao một khuỷu tay rưỡi của Phật, tức bằng bốn thước năm tấc đời Đường. Kích thước này bằng với kích thước của đàn khi Chuyển luân thánh vương lần đầu tiên lên đàn thụ quán đỉnh. Tầng thứ ba của giới đàn cao một ngón tay của Phật. Ngón tay Phật dài hai tấc; tức bằng bốn tấc của người bình thường.

Nay cách phía đông nước Ô-trượng-na bắc Ấn-độ hơn một nghìn dặm, đi qua cây cầu cáp treo là đến kinh đô xưa của nước Ô-trượng-na. Khu đất ấy bằng phẳng, có nhiều loại cây ăn quả nổi tiếng. Đây là vườn trái cây của Chuyển luân vương xưa. Trong vườn đó, có giới đàn bằng đá rất lớn.

Sau khi Đức Phật nhập diệt ba trăm năm, có vị đại A-la-hán Ưu-lâu-chất-na oai đức to lớn, xây ngôi chùa lớn bên sườn núi đá phía bắc khu vườn, chu vi chùa hơn năm mươi

dặm, nơi cư trú của Tăng rộng mười lăm dặm. Vị ấy thỉnh tôn giả Di-lặc chỉ huy công trình, đốc thúc công thợ. Trải qua ba trăm năm, vị ấy dùng đại thần lực sống thọ như mọi người. Tinh xá năm tầng ấy chỉ được xây toàn bằng đá. Tầng trên cùng cao hơn ba trăm thước, ở giữa đặt tượng Phật bằng chiêm-đàn, tướng trạng cũng y như thế. Cho đến, tầng dưới cũng an trí tượng bằng đồng đỏ.

Hiện nay, bốn tầng trên đều đã đóng kín, đó chẳng phải là điều may mắn cho hàng phàm phu. Nhưng đá giống như lưu li, trong-ngoài xuyên suốt, người đi ngang qua đều thấy rõ bên trong. Chỉ tầng dưới cùng, hiện nay mọi người vẫn sử dụng, chung quanh hoa quả được trồng thành hàng khắp nơi. Phía đông tinh xá này có đàn bằng đá, ngang dọc hơn hai trăm bộ, lan can đá vây quanh được điêu khắc tinh xảo rất khó tả. Tầng nền cao khoảng một trượng, trên đó điêu khắc các loại hình dáng kì lạ, tư thế uyển chuyển. Ở giữa tầng trên của đàn an trí xá-lợi Phật, có mái vòm giống như cái chảo úp phía trên, như trước đã trình bày.

Vào ngày thụ giới, tập tăng như trên đã nói và thiết lập một cái tòa cao, trước tiên tụng kinh Di giáo, các tì-kheo nghe đều rơi lệ. Thụ giới xong, lại tụng kinh Di giáo. Việc làm ấy đến nay vẫn còn duy trì. Thường thường có tăng từ Tây Trúc hiện đến. Trong tác phẩm Tây vực truyện, ngài Huyền Trang có trình bày vắn tắt việc tượng Phật bằng chiêm-đàn lớn, nhưng không nói rõ nguyên nhân vì sao có tượng ấy. Đến như văn nói về giới đàn thì còn thiếu sót rất nhiều, há chẳng phải sư không đến được nơi ấy mà chỉ nghe nói rồi thuật lại hay sao? Cho nên cũng không có gì lạ!

Nay ước tính lại trong vườn Kỳ Thụ có tổng cộng sáu mươi bốn viện có đường lớn thông nhau và các con đường nhỏ. Trong đó phía nam có hai mươi sáu viện.

Những viện lớn ở bên trái, bên phải của ba cửa gồm:

– Bên phải cửa tây có sáu viện: 1. Viện Tam quả học nhân tứ đế; 2. Viện Học nhân nhị thập nhân duyên; 3. Viện Tha phương tam thừa nhập thánh đạo; 4. Viện Tứ thiên hạ ngã kiến tục nhân; 5. Viện Ngoại đạo dục xuất gia; 6. Viện Phàm phu thiên sư thập nhất thiết nhập.

– Bên trái cửa phía đông có bảy viện: 1. Viện Đại Phạm Thiên vương; 2. Viện Duy-na tri sự; 3. Viện Đại long vương; 4. Viện Cư sĩ thanh tín trưởng giả; 5. Viện Văn-thù-sư-lợi; 6. Viện Tăng khố; 7. Viện Tăng giới đàn.

– Bên phải cửa giữa có bảy viện: 1. Viện Duyên giác tứ đế; 2. Viện Duyên giác thập nhị nhân duyên; 3. Viện Bồ-tát tứ đế; 4. Viện Bồ-tát thập nhị nhân duyên; 5. Viện Vô học nhân văn pháp; 6. Viện Học nhân văn pháp; 7. Viện Phật hương khố.

– Bên trái cửa giữa có sáu viện: 1. Viện Tha phương tục nhân Bồ-tát; 2. Viện Tha phương tì-kheo Bồ-tát; 3. Viện Ni thỉnh giáo giới; 4. Viện Giáo giới tì-kheo-ni; 5. Viện Tha phương chư Phật; 6. Viện Chư tiên.

Chung quanh viện Phật có mười chín viện; ở phía bắc những con đường nhỏ bên ngoài đường chính có mở ra năm cửa. Trong đó có hai đường nhỏ dẫn vòng quanh thông ra phía nam.

– Bên trái cửa phía đông của viện giữa có bảy viện: 1. Viện Luật sư; 2. Viện Giới đàn; 3. Viện Chư luận sư; 4. Viện Tu-đa-la; 5. Viện Phật kinh hành; 6. Viện Phật tẩy y; 7. Viện Phật y phục.

– Phía bắc viện giữa có sáu viện: 1. Viện Vi-đà; 2. Viện Thiên hạ bất đồng văn; 3. Viện Thiên hạ âm dương thư; 4. Viện Thiên hạ y phương; 5. Viện Tăng tịnh nhân; 6. Viện Thiên hạ đồng tử.

– Phía tây viện giữa có sáu viện: 1. Viện Vô thường; 2. Viện Thánh nhân bệnh; 3. Viện Phật thị bệnh; 4. Viện Tứ thiên vương hiến Phật thực; 5. Viện Dục thất; 6. Viện Lưu xá.

– Bên trong Phật viện ở trung ương có mười chín nơi: 1. Phía đông cửa Phật viện là nơi Phật vì tì-kheo kết giới đàn; 2. Phía tây Phật viện là nơi Phật vì tì-kheo-ni kết giới đàn; 3. Phía trước Phật điện; 4. Lầu ba tầng phía đông điện; 5. Lầu ba tầng phía tây điện; 6. Ngôi tháp bảy tầng; 7. Phía đông ngôi tháp là đài chuông; 8. Phía tây ngôi tháp là đài kinh; 9. Phía sau tháp là đại điện Phật thuyết pháp; 10. Phía đông điện là lầu năm tầng; 11. Phía tây điện là lầu năm tầng; 12. Lầu ba tầng; 13. Chín cái vạc bằng vàng; 14. Ao sen vuông; 15. Góc ba tầng; 16. Phía đông góc là lầu năm tầng; 17. Phía tây góc là lầu năm tầng; 18. Phía đông góc là Phật khố; 19. Phía tây góc là Phật khố (Xem phụ lục cuối sách).

Tôi cho rằng những điều nghe biết ở đời chỉ theo lời truyền miệng, còn việc ghi chép theo kinh luận, thì lại rườm rà không thể nêu ra hết. Chứ lẽ nào không có văn bản, không có lời truyền, không giữ lại những hành sự sao? Vậy thì chỉ

uống một đời, chứ có ích gì cho đạo? Vì thế, tôi thường nghiên cứu, khảo xét, đối chiếu lời văn cho thật phù hợp rồi tùy theo đó mà làm theo, nên không trái ngược. Dù có dùng kim châm chữa trị, nhưng với căn bệnh nan y lâu ngày thì cũng uống phí lời nói và thời gian, đến cuối cùng vẫn không hết bệnh. Vì thế tôi mới trình bày ra bằng đồ hình để mở rộng chỗ thấy nghe, lại chỉ bày tướng trạng to lớn, giống như những điều vẫn còn lưu trong biệt bản. Ở đây chỉ trình bày tóm lược để bổ khuyết những chỗ cốt yếu, ngõ hầu giúp người xem biết được ý nghĩa quan trọng của giới đàn.

Trường của giới đàn tùy vào đại giới tăng cư trụ, không nên theo một phương hướng nhất định, cũng không cố định là đông hay tây. Nhưng phần nhiều đều chọn phía đông làm trường của giới đàn, vì đó là nơi khởi đầu để trở về với Phật pháp! Phía tây làm viện Vô thường, vì đó là nơi mạng chung chìm vào cõi trời. Từ số nhiều mà lập thành tướng trạng, còn những trường hợp khác thì tùy cơ. Như tăng dưới của đàn thứ nhất ngang rộng hai trượng, chín thước, tám tấc; tăng giữa ngang rộng hai trượng, ba thước và tăng trên vuông vức bảy thước.

Tác phẩm Kì-hoàn đồ do tôi soạn gồm hai quyển thượng và hạ, được đúc kết từ những điều những đã được nghe, tóm thâu kinh luật, bàn bạc, đối chiếu với các truyện kí và rất nhiều sự tích. Nhưng trong năm tinh xá lớn, thì tinh xá Kì-hoàn là nơi mà Đức Phật đã trụ lâu nhất. Trong một đời giáo hóa, Ngài đã trải qua hai mươi lăm năm hoằng hóa ở đây. Vì thế, bốn tạng và năm bộ đều ghi địa điểm là Xá-vệ. Sự tích trong một đời giáo hóa của Ngài rất nhiều, đã được ghi chép trong Biệt đồ, ở đây chỉ nêu sơ lược.

Đến như trong các giáo, thì việc xây dựng tinh xá Kỳ-hoàn và việc sơ khai sáng lập, nếu tổng hợp lại thì có rất nhiều bằng chứng đáng thu thập. Theo kinh Hiền ngu, thì người ta đầu tiên xây dựng tinh xá Kỳ-hoàn để Phật và đại chúng an trú trên một khu đất rộng tám mươi khoảnh[21], dùng vàng lát mặt đất. Tôn giả Xá-lợi-phất dùng thần thông hàng phục sáu sư ngoại đạo, cùng với Tu-đạt giảng dạy, đo đạc để xây tinh xá; hoặc mừng hoặc lo... như thường nghe nói trong các kinh.

Kinh lại ghi: “Ông đã từng xây chùa từ thời Đức Phật Tì-bà-thi đến Đức Phật Ca-diếp, như kiến sinh sôi không ngừng nghỉ; sinh tử dài lâu, chỉ có phúc là quan trọng. Nơi đây dùng bột chiên-đàn tô lên phòng xá của Phật. Có một nghìn hai trăm biệt phòng, lại có một trăm hai mươi nơi đánh kiền-trĩ[22]...”. Như trong văn chính đã trình bày đầy đủ.

Trong Thánh tích kí ghi: “Quanh vườn Kỳ-hoàn có mười tám ngôi chùa, đều có tầng ở”. Biệt đồ ghi: “Tinh xá Kỳ-hoàn có ngã tư thông với ngoại viện. Chùa có hai cửa, một ở hướng nam, một ở hướng đông”. Lại ghi: “Chùa có năm cửa”. Lại ghi: “Xây dựng bảy ngày xong, có ba trăm phòng lớn và hơn sáu mươi viện”.

Theo lời kể của pháp sư Linh Dụ thời Bắc Tề (550-577) trong tác phẩm Tự cáo thì trong Kỳ-hoàn đồ kinh trình bày rất chuẩn xác về các viện này.

Biệt truyện ghi: “Chùa Kỳ-hoàn vừa xây xong thì liền kết ba đàn. Tuy nay đã hoang vắng, điêu tàn, nhưng cũng không thể chối bỏ việc đầu tiên có đàn”. Từ đó đến nay đã trải qua một nghìn bảy trăm năm, trước sau tổng cộng tu

sửa, tái tạo hai mươi lần, hình dạng đàn đến nay không giống như trước thì cũng không có gì lạ. Vả lại, hình dáng của đàn đầu tiên, thì như trước có ghi tóm lược.

Ở đây trình bày nguồn gốc sáng lập giới đàn ở Đông Hạ. Lương tăng truyện ghi: "Vào niên hiệu Nguyên Gia thứ bảy (430), đời vua Văn Đế nhà Tống, sa-môn Cầu-na-bạt-ma người nước Kế Tân đến Trung Quốc. Cầu-na-bạt-ma, đời Lương dịch là Công Đức Khải. Sư từ Nam Hải đến kinh đô Lạc Dương. Văn Đế tiếp đãi trọng hậu, thường hỏi đạo lí và tôn xưng là Tam tạng và thỉnh dịch kinh giới. Sư thường đến chùa Nam Lâm, thấy nơi đây rừng tre xanh tốt, nên có ý muốn trọn đời ở đây. Sư lập giới đàn ở trong vườn trước chùa giúp người thụ giới đăng đàn thụ giới. Bấy giờ, có người nghi sư đắc đạo mới lén rải hoa dưới ghế của chư tăng, chỉ có hoa nơi chỗ ngồi của ngài Bạt-ma là càng tươi. Ngài biết trước ngày mất, ngồi ngay ngắn chấp tay ra đi. Trên tay sư xuất hiện di văn, chỉ cho biết ngài đã chứng quả Tư-đà-hàm. Mọi người thỉnh thi thể ngài lên giới đàn để thiêu và tất cả đều thấy một con vật giống như rồng tựa làn khói bay thẳng lên trời.

Niên hiệu Nguyên gia thứ mười một (434), có ngài Tăng-già-bạt-ma mà người thời bấy giờ gọi là Tam tạng pháp sư. Ngài và vị Tam tạng Cầu-na-bạt-ma cùng đến kinh đô Lạc Dương, tổ chức giới đàn tại chùa Nam Lâm, truyền giới cụ túc lại cho tăng, ni. Lúc ấy, chùa Kì-hoàn có năm mươi tì-kheo như Tuệ Chiếu v.v... và chùa Ảnh Phúc có ba trăm hai mươi ba tì-kheo-ni như Tuệ Quả v.v... cùng được thụ giới lại từ Sư.

Khi ấy, có pháp sư Tuệ Nghĩa tính tình thẳng thắn, không chấp nhận sự vẽ vời ấy nên hỏi Tam tạng:

– Khi đại pháp truyền sang phía đông, người truyền đạo chẳng phải chỉ có một. Các bậc tiên hiền, cao triết đều có phép tắc thường hằng, lẽ nào chỉ mình ngài đối khác? Vậy sao hợp với mong muốn của mọi người?

Tam tạng đáp:

– Năm bộ tuy sai biệt, nhưng lẽ thường là cùng nhau thoát li thế tục; vốn vì truyền bá giáo pháp, mà pháp thì nhất định nên truyền, sao gọi là trái với lòng mọi người?

Pháp sư hỏi:

– Giới chẳng phải là sắc mà có thể thấy được! Vậy người vừa được thụ giới lại, hoặc phải theo thứ tự hạ lạp cũ hay bắt đầu tính theo lần thụ giới lại? Tiến lui như thế nào, đủ dẫn đến nghi ngờ rồi!

Tam tạng đáp:

– Có hai trường hợp, nên không thể cho là một. Nếu chưa hết năm, số tháng cũng chưa đủ thì bắt đầu tính theo lần thụ giới mới. Nếu năm trước đã đủ, thì được tính vào giai vị đắc giới. Chỉ nghi là lần thụ giới trước có tâm bậc trung và bậc hạ, đúng theo lí thì mong cho được tốt hơn, nên mới thụ giới lại. Vì vậy, phải theo hạ lạp cũ mà định.

Pháp sư hỏi:

– Khi tự phát thệ không sát sinh thì thân, khẩu đã đầy đủ, vậy còn gì không đủ mà phải thụ lại?

Tam tạng đáp:

– Giới có chín phẩm, phẩm dưới là nhân của phẩm trên. Đến như người cầu giới tâm còn có hơn kém, nên duyên khởi để nương tựa cũng khác nhau. Vậy thụ một đàn khác rồi phát tâm thụ lại thì có chướng ngại gì? Hơn nữa lại có năm giới, mười giới sai biệt, chúng sinh mỗi mỗi cũng đều khác nhau. Cho đến, đạo luật nghi, định luật nghi đều ngăn ngừa lỗi của thân, khẩu; không giống với tâm nghiệp chỉ có một mà không hai v.v...

Pháp sư hỏi:

– Ngày xưa, khi tam tạng Cầu-na-bạt-ma còn sống, bố-tát và việc của Tăng thường tổ chức trong chùa. Đến khi luận về việc thụ giới, vì sao phải ra ngoài thôn xóm? Tất cả đều là thiện pháp, vì sao lại khác nhau?

Tam tạng đáp:

– Các bộ luật chế định đều có cả thông và bí, nhưng riêng pháp thụ giới rất quan trọng và không giống với những việc khác. Vì nếu làm theo pháp khác thì chẳng những việc thụ giới không thành, mà còn phạm tội nhẹ phải sám hối nữa. Vì làm hưng thịnh hạt giống Phật và tiêu được vật cúng của tín thí[23], nên phải lấy giới làm gốc. Vì vậy, nếu giới không thành tựu thì chẳng phải là người xuất gia. Đó là nguồn gốc của phiền não chướng đạo và đoạn diệt đại pháp, nên nói pháp ấy khác với những pháp khác.

Thế là ngài Tuệ Nghĩa vui vẻ, không nói lời nào, liền bảo các đệ tử Tuệ Cơ v.v... qua bờ Thái châu và ở trên thuyền thụ giới v.v...".

Nay tra cứu những ghi chép của Biệt truyện thì thấy giới đàn ở những nơi thuộc các nước phía nam Trung Quốc không phải chỉ có một giới đàn ở kinh đô nhà Tống như trên đã trình bày. Ngài Pháp Thái sống vào thời Đông Tấn là bạn đồng học với ngài Đạo An, bẩm tính thông minh, lần đầu tiên lập giới đàn ở chùa Ngõa Quan, kinh đô Lạc Dương. Ngài Chi Đạo Lâm thời Đông Tấn lập một đàn ở Thạch Thành và một đàn tại Bát châu. Ngài Chi Pháp Tồn đời Đông Tấn lập đàn tại nơi ẩn cư ở Tạ Phu thuộc Nhữc Da. Ngài Trúc Đạo Đài lập đàn ở núi Động Đình. Ngài Trúc Đạo Sinh lập đàn ở Hồ Khâu, Ngô Trung. Ngài Trí Nghiêm đời Tống lập đàn ở chùa Thượng Định Lâm. Ngài Tuệ Quán đời Tống lập đàn ở chùa Thạch Lương. Ngài Tăng Phu đời Tề lập đàn ở Vu Hồ. Ngài Pháp Siêu đời Lương lập đàn ở Nam Giản. Ngài Tăng Hựu lập đàn ở bốn chùa Thượng Vân Cư, Thê Hà, Qui Thiện và chùa Ái Kính. Nền móng chùa Tứ Tăng, chùa Trường Sa ở Kinh châu và nơi hồ nước phía trước chùa Đại Minh hiện nay đều là giới đàn.

Theo sự mà luận thì từ Du châu trở về phương nam, trong vùng Giang Hoài tính tổng cộng có hơn ba trăm giới đàn. Ở những vùng như Sơn Đông, Hà Bắc, Quan Nội, Kiếm Nam, việc này trước đó chưa từng nghe nói đến, kinh truyện cũng không ghi chép. Cho nên, Phật pháp ở Giang Biểu đến nay đã trải qua năm, sáu trăm năm chưa từng bị mai một, ấy là nhờ giới đàn vậy. Vì giới là cội nguồn của Phật pháp, gốc đã vững thì không thể nghiêng đổ. Vì thế, hai bên Hoàng Hà thuộc Trung Nguyên đã không lập giới đàn nên Phật pháp bị hủy diệt ba lần. Thật đúng như vậy!

Anh linh phát ra giữa vùng Trường Giang và Hán Thủy. Nơi này núi sông tú lệ, người nhìn thấy là quên trở về, chính do đất đai ở đó tạo ra như thế. Người thì nương vào cảnh

vật bên ngoài, nên cảnh bên ngoài đã tốt đẹp thì trí bên trong cũng thông tuệ. Đến như những kẻ sĩ hiền đạt, phụ thần thông thái, xét rõ Phật giáo thật đáng qui hướng, nhất định không có đạo lí xấu xa bại hoại. Đây có thể nói là dòng Giang-Hán vẫn cuộn chảy không ngừng. Những ghi chép của Nam quốc tuy được nghe lại từ đời trước, nhưng lời truyền và sự tích đến nay vẫn còn trông thấy!

Sau khi nhà Tần vượt qua phía nam, vùng Lưỡng Hà[24] phân làm mười sáu nước. Họ dùng vũ lực xâm đoạt lẫn nhau, Phật pháp bị tiêu diệt ba lần đều là do con cháu của bộ tộc Huân Dục[25]. Họ vốn chẳng phải là con cháu của một nước có văn hiến, nên tùy ý hủy diệt, mới xảy ra như vậy. Sở dĩ tôi nêu việc lập giới đàn, vì thấy đó là tướng quan trọng của trụ pháp, còn những việc khác thì chỉ trình bày tóm lược mà thôi.

Luật Thiện kiến ghi: “Trên giới đàn không được xây phòng. Giả sử vua xây phòng, thì tì-kheo biết hổ thẹn phải gỡ bỏ. Những vật liệu tháo dỡ đó đem giao cho tì-kheo trụ ở chùa, rồi chỉ để chúng ở điện Phật hay dưới cây cối”.

Căn cứ theo đây mà nói thì rõ ràng đó là nơi pháp trụ, chứ chẳng phải là chỗ ở của tăng (hai nơi riêng biệt)

5. Bên trong và bên ngoài đại giới của giới đàn.

Luật Tăng-kì ghi: “Ban đầu giới trường lập ở ngoài đại giới, nhưng do sau đó có những lỗi lầm phát sinh, nên mới chuyển giới trường vào bên trong đại giới”.

Trong luật Tứ phần thì nói giới đàn nằm ở trong đại giới, văn ghi: “Ở trong đại chúng, hễ khi có việc chỉ cần bốn vị

tì-kheo yết-ma, năm tì-kheo, mười tì-kheo hoặc mười hai tì-kheo yết-ma mà tập hợp hết chúng thì rất mệt mỏi, nên Phật dạy kết giới trường”.

Nếu kết giới trường ở ngoài đại giới, vốn không bị trở ngại, thì đâu cần gì đến đại chúng! Cho nên biết, kết giới trường ở bên trong là chính xác. Nhưng cần phải trình bày rõ ba tướng để giải quyết dứt hết mọi nghi ngờ. Nếu chỉ bừa núi, đá, rừng, cây, tường rào, sườn núi mà chưa từng thấy qua vị trí của chúng, rồi tùy tiện gọi đó là phía đông, phía tây, thì chính người xướng còn mờ mịt nói gì đến người khác làm sao biết được. Lại còn dựa vào lời xướng mà sự thì có nhiều điều không rõ ràng vẫn cứ cố sao chép, giải thích rõ ràng, để gặp việc thì sử dụng nửa chữ. Những thói quen xấu ấy đều là những sai lầm xưa. Mong với sự cải đổi, mở rộng này sẽ chấm dứt những thói quen kia. Nếu không có sự cải đổi, đời này đã vậy, đời sau cũng không khác, thì từ đâu có thể thoát ra?

Đã kết giới trường đúng như pháp rồi, thì có bốn nơi để tập Tăng, mỗi mỗi đều giữ đúng phép tắc của Tăng, đều không gây trở ngại cho nhau: 1. Tập hợp bên trong giới trường; 2. Tập hợp ở những nơi đất trống xung quanh ngoài giới trường; 3. Tập hợp bên trong đại giới như pháp thường của Tăng; 4. Tập hợp ngoài đại giới.

Trong bốn nơi tập hợp nêu trên, có hai nơi là giới do tác pháp và hai nơi là giới tự nhiên. Nhờ tướng ước định của giới rõ ràng, nên có thể tùy theo địa phương mà làm, tất cả đều được thành tựu. Vì trước đã biết có bốn loại giới trường, giới hạn rõ ràng, cho nên có bốn nơi tập hợp và mỗi nơi không chồng chéo nhau. Tuy cách trình bày hơi

phức tạp, nặng nề nhưng việc làm thì rất đơn giản. Điều này thật rất đáng răn nhắc.

6. Pháp kết giới đàn trước hay sau.

Nay thấy các nhà giảng giải đều dựa vào những bản sớ xưa, nói: “Trước là kết đại giới, sau đó mới kết giới trường’, nên vội cho rằng: ‘Tôi theo văn luật nên mới có kết trước, kết sau như thế’”. Những người này thật không biết thứ tự của giáo.

Nghiên cứu văn luật cho thấy, lần đầu tiên đại chúng không một ai biết ranh giới của đại giới, cho nên ban đầu căn cứ theo giới tự nhiên, sau đó mới căn cứ theo đại giới. Về sau, vì pháp mà tập hợp chúng nhiều lần, làm cho chúng quá mỏi mệt, nên Đức Phật cho phép lập giới trường. Vì thế, phải biết sự việc sinh khởi có trước, có sau, chứ không nên nói pháp kết giới có trước, có sau! Vì sao cứ chấp bừa vào văn luật rồi vô cớ sinh ra năm lỗi? Đức Phật đã chỉ dạy rõ ràng, nên theo nghĩa mà phân chia.

Ở đây nói, trước kết đại giới, sau mới phân giới trường, vậy căn cứ theo phép gì để phân làm hai giới? Tuy trên vùng đất trống trước đã cho phép, nhưng cuối cùng cũng chỉ là khoảng đất không có phép tắc qui định, nên Đức Phật mới chế ra giới trường. Trước dùng pháp giới hạn để bao quanh khoảng đất trống đó và cuối cùng bên ngoài lấy đại giới bao quanh nó. Thế nên, pháp pháp cách biệt, không có lỗi chồng chéo lên nhau.

Luật Ngũ phần ghi: “Phải kết giới trường trước, rồi sau đó mới kết đại giới”. Nếu đã có kết đại giới trước, thì phải xả đại giới xong mới kết giới trường, rồi sau đó xướng tiêu

tướng và kết đại giới. Văn nói về kết trước, kết sau của luận Tì-ni-mẫu và luận Thiện kiến giống như văn của luật Ngũ phần. Nay vẫn còn có người kết đại giới trước. Những người này vì không xem kĩ văn bản của các bộ mà chỉ tin theo những lời ước đoán, nên không thấu hiểu hết.

Kinh Ngũ bách vẫn ghi: “Trước kết đại giới, sau đó mới kết giới trường, như luật sư Tì-ma-la-xoa nói[26]: ‘Nếu ở trong đó thụ giới thì sợ không đắc giới. Nếu trước đó không biết thì cũng giống như chưa chế. Nhờ có con đường này mà vào được giới trường thì cũng là một điều may mắn’. Lời này khen hay chê, thành hay bại cũng khó định; may mắn là nói gặp phúc rất đặc biệt. Kết giới trường trước thì không uổng công thụ giới và cũng không còn nghi ngờ giới có hay không.

Tìm hiểu kĩ về tác pháp, phải có đầy đủ ba tướng: một là tướng ngoài của giới trường; hai là tướng trong của đại giới; ba là tướng ngoài của đại giới. Ba tướng này đều phải dựa vào pháp yết-ma để phân chia ranh giới. Tất cả đều phải xác định các góc của đại giới, giới trường; đánh dấu ranh giới, qui định tiêu, tướng, thể của giới trường và đại giới phải rõ ràng. Tiêu thì không nhất định là ở trong hay ngoài giới trường. Tướng thì tùy theo tiêu mà xác định vị trí, còn thể của ranh giới thì nhất định ở trong tướng. Phải khảo sát, thẩm định kĩ để biết rõ hình dạng trước, rồi sau đó mới tiến hành kết giới.

Ngôn từ thì phức tạp, nặng nề thật ra là nêu những điều chưa rõ. Như trong Ngũ bách vẫn ghi: “Trong lúc đang thụ giới mà gặp trời mưa nếu chuyển giới trường vào nhà thì phải giải đại giới trước, rồi kết lại giới trường, sau đó kết đại giới thì mới được”.

7. Tập Tăng xa hay gần giới đàn.

Giới trường là gốc của các giới khác! Trước tiên tập Tăng ở cương giới tự nhiên, trong Tăng có người không đến dự thì việc kết giới không thành tựu. Cho nên, người tác pháp trước nhất phải biết rõ là nên khảo sát kĩ trong các giới tự nhiên. Nếu là việc bắt buộc Tăng phải tập hợp thì không được nhận dự. Tuy là việc bình thường, nhưng khi gặp việc phần lớn lại không biết làm, như thế mà lại không chịu tập hợp, nên thành biệt chúng. Kết giới vốn không thành mà dối cho là có giới, đến tận vị lai ở trong đó thụ giới pháp thì chỉ uống phí công hạnh một đời của mình và người. Há chỉ đời này thôi đâu, mà đời sau còn chiêu cảm quả báo không có giới trường mà thụ giới cụ túc, há không đúng sao?

Nay muốn làm việc gì đều phải căn cứ vào tiêu giới. Giới trường lớn hay nhỏ tùy thuộc vào giới, nhưng phần nhiều vì giới trường nhỏ hơn giới tự nhiên nên nương vào giới tự nhiên mà tập hợp. Tập hợp xong, xướng tướng ngoài ba lần rồi bạch nhị yết-ma kết giới trường.

Tiếp theo, khi kết đại giới, dẫn năm, sáu tì-kheo ra chỗ đất trống bên ngoài giới trường, thuộc trong thể của đại giới rồi căn cứ theo tiêu tướng của giới mà tập hợp Tăng. Kế đó ba lần xướng tướng trong và ngoài của đại giới, bạch nhị yết-ma là kết giới xong. Đến ngày hôm sau, trước là giải đại giới, tiếp theo là giải giới trường và kết trở lại như trước.

Tập Tăng xa hay gần như trên đã quy định. Nhưng ở đây cần phải xét lại thật kĩ, vì sau khi đã xác định rồi thì đến tận vị lai không cần phải giải. Cho nên, chúng Tăng ngày nay khi hành sự, không cần phải tác pháp giải và kết lại

nữa. Hiện tại, ở Ấn-độ vẫn còn thực hành việc này. Nhưng vì lần đầu kết giới, ác quỷ bị bao vây không ra khỏi giới được, vô cùng khổ não, nên Đức Phật dạy phải giải giới để cho những ác quỷ ấy ra ngoài, rồi mới kết lại. Vì kết giới đúng pháp thì thiện thần mới tập hợp, nên trong luật nói: “Bên trong giới có đèn, miếu của quỷ thần”.

Luật Ngũ phần ghi: “Kết giới thông luôn tụ lạc là để bảo vệ người dân không bị phi nhân quấy nhiễu”. Việc ấy rất đúng!

8. Yết-ma thành hay không thành.

Tướng thành hay bại, tác dụng của nó phụ thuộc vào con người. Vì người thì có người sáng suốt, người ngu muội, nên việc cũng có thành và hoại. Vì thế, người cẩn thận thì không tự cho mình là đúng. Tuy đã nắm rõ giới tướng, nhưng để không bị trở ngại lúc dùng lại mờ mịt quên sót, nên văn luật tóm lược những nơi bị phạm, đồng thời khai thông những chỗ quên sót kia.

Cho đến kết giới hay giữ gìn đều phải trình bày đúng-sai rõ ràng, nếu nghi ngờ, hoặc có sai lầm thì phải xả rồi làm lại. Như vậy, há chẳng phải là tâm cung kính, cẩn thận cùng tột sao? Nay những người thực hành phần nhiều qua loa xem thường, không thẩm xét sự xa gần của đại giới; cũng không biết rõ sự giống và khác của Tăng; lừa dối Phật pháp, dối cho mình là người kiệt xuất. Đọc tụng văn mà không biết phép tắc, mắt thấy mà không phân biệt được đúng-sai; che đậy sự dối trá, ôm giữ tâm si mê, tự ý tạo tác. Ở đây chỉ trình bày tóm lược một vài trường hợp để nêu rõ chỗ đúng-sai:

– Căn cứ vào trường hợp tập hợp Tăng thì biết sự thật-hư của Tăng. Đối với một người thì có hơn năm mươi cách để thẩm định mà tuyển chọn. Nếu người nào không trúng tuyển thì không xứng đáng gọi là tăng, không phải là vị tăng tốt để tác pháp! Về cách thẩm định như trong bộ Luật sao đã ghi.

– Căn cứ vào trường hợp ba lần xướng, ắt phải xét kỹ giới hạn tiêu và tướng, thước tắc rõ ràng, nên vào thì có phép tắc đủ số và cách biệt với đại chúng, ra thì chẳng thuộc hai tướng này. Ngày nay thường có người kết cả hai giới, không tập hợp Tăng ngoài tướng, chỉ dẫn theo năm, sáu tì-kheo đến nơi chuẩn bị kết tướng giới trường rồi kết. Hoặc ở trong giới trường xướng chung ba tướng của hai giới xong rồi thêm yết-ma chung cho cả hai giới. Hoặc có người ở trong giới trường xướng chung tướng của hai giới rồi kết riêng từng giới. Hoặc ở trong đại giới mà không vào trong giới trường, từ xa xướng tướng của giới trường rồi kết. Luật Ngũ phần ghi: “Không xướng phương tướng[27] thì không thành kết giới”.

Nay ở cách giới mà xướng tiêu tướng không thì hoàn toàn không đúng pháp; hoặc xướng không rõ ràng, không biết ranh giới, đều được xem như là không xướng; kết không thành giới. So sánh như thế mà biết những trường hợp này đều là căn cứ theo chỗ đúng-sai của ranh giới mà phân biệt. Nhưng đại giới và giới trường đều phải thành tựu. Nếu vì bất đắc dĩ, đại giới không thành, thì há có thể dùng giới trường không ranh giới để thụ giới được sao?

Còn như đại giới tuy thành mà giới trường không thành, rốt cuộc đó cũng chỉ là nơi không có phép tắc, thì đâu có thể thực hành pháp sự? Vì thế, khi chí thành khẩn thiết tác

pháp thì đầu tiên phải thành tựu giới trường đúng như pháp, chứ không được mơ hồ mà tác pháp, mập mờ mà cho là đúng pháp. Có vị tì-kheo nói: “Người biết pháp há không nghĩ đến việc đó sao?”. Lấy danh mà bỏ thật, lời nói lại rờm rà, gặp việc phần nhiều đều mờ昧, lão tăng đây phải nói đi nói lại nhiều lần, chắc chắn là cần thiết vậy!”.

– Hành sự chính là kết giới. Giới thì có lớn-nhỏ khác nhau, đất thì chia làm trong-ngoài sai khác. Vì thế, trước phải biết rõ, sau mới y pháp kết giới.

– Tác nghiệp chính là yết-ma. Không chỉ một tì-kheo đọc mà tất cả chúng đều phải hiểu trọn vẹn. Nếu có người không hiểu thì người đó chẳng xếp vào túc số đó, cũng không thuộc nhóm khác chúng. Nếu có người ngu muội, không biết nhân duyên hòa và nhẫn, thì đâu biết được tướng chung và riêng, nên không thuộc túc số đó và cũng không thuộc nhóm chúng. Vì vậy, không tập hợp những người này thì không phạm lỗi. Yết-ma thành tựu hay không thành tựu phải căn cứ theo bốn duyên: Tăng, cương giới, sự và pháp như ở trên đã trình bày đầy đủ. Người trì luật cần phải học những điều này. Nếu không hiểu rõ bốn duyên này thì không xứng đáng bước lên đàn.

Luật Thập tụng ghi: “Người làm pháp yết-ma phải phân biệt được thế nào là bạch, là yết-ma lần thứ nhất, là yết-ma lần thứ hai, là yết-ma lần thứ ba. Người nghe tác pháp yết-ma để ý biết đến việc khác, chớ nghĩ việc khác mà niệm niệm phải ghi nhớ, suy nghĩ pháp bạch ấy, pháp yết-ma ấy thật rõ ràng”. Vì thế, khi Đức Phật còn ở đời nắm giữ phép tắc mà còn có người thực hành năm điều phi pháp, há đó là người không học, không hiểu biết sao? Ấy là vì gặp việc, tâm cảnh bị mê muội, quên mất vậy!

9. Phép tắc thụ giới.

Lập tướng phi thường để hiển bày pháp phi thường. Pháp chính là giới. Giới là nền móng của đạo xuất thế, chắc chắn không phải nền tảng để vào thế gian. Luật ghi: “Sở dĩ lập ra giới học là vì muốn trừ sạch ba độc”. Sở dĩ lập tướng giới đàn phi thường là vì tác động đến tâm thế gian.

Nay nếu không thực hành đàn sự, tùy duyên thụ giới, thì tâm ý mơ hồ, lúc hiểu lúc mê, thì làm sao có thể phát sinh luật nghi pháp giới? Nhất định chỉ đạt được phúc rỗng không vô kí mà thôi. Cho nên, luận ghi: “Người sắp thụ giới, trước phải nương tựa người trí. Bấy giờ người trí sẽ giúp cho giới tử ấy ở nơi vạn cảnh khởi tâm từ hộ mà phát sinh giới”. Điều ấy ngày nay không còn, nên đến khi tập Tăng xong, chính thức cử hành pháp sự, chỉ nói: “Ông phát tâm thượng phẩm sẽ đắc giới thượng phẩm”. Sa-di vốn không biết, các vị giáo thụ cũng chưa từng bàn bạc, nghe lời này thì giống như sấm nổ trên trời, như mưa tuôn xuống đất. Cho nên, khảo sát rộng các thuyết, rồi lập nên phép tắc này, chứ chẳng phải xuất phát từ ý của giới sư. Tất cả đều được thánh nhân truyền dạy cho.

Nay người học đời sau này ít đọc kinh, truyện, chỉ chấp chặt vào những điều thấy nghe thông thường, nên cho việc làm này kì lạ, chứ thật đâu có gì đáng lạ? Chỉ vì đó là điều mà tai chưa nghe đến, mắt chưa thấy được, chân chưa đặt đến mà thôi. Nếu tai đã từng nghe, mắt đã từng thấy, chân đã đặt đến, thì biết đó chỉ là tổng gom những pháp bình thường trong sinh hoạt hằng ngày để bàn luận sâu rộng thêm mà thôi!

– Tướng hành sự của thập sư đăng đàn truyền thụ: Gần đây, những hành sự không có phép tắc y cứ, chỉ tùy người mà đặt ra rồi áp dụng, nên không đáng làm phép tắc. Nay trích nêu những việc ở cõi dương, cõi âm và những việc lên, xuống đàn tràng, phát tâm kính ngưỡng đã được truyền lại giống như việc hành lễ thể tục, mỗi mỗi đều hỏi han, thì há không thận trọng ư?

Tôi thấy hành sự thật lộn xộn, tới lui mất trật tự, chỉ có hai vị hòa thượng mới có đức tướng, còn những vị tôn chứng thì không giống ai. Các vị tôn chứng thể hiện công năng chứng giới, thì hàng tam sư mới đồng nhất. Hàng tam sư mỗi vị đều có hành sự riêng và việc chứng thành là do thập sư mới được, như vậy thì liền có giới đầu tiên. Nhưng các vị này, có khi ngồi thành hàng lặng lẽ như nước biển trôi lặng lẽ; hoặc nhìn lên cao mà làm như thấy oai nghi của chúng; hoặc để tâm nghe ở đâu xa mà làm như thấu tỏ mọi yết-ma; cho đến có người xin một lần, xin ba lần, xướng xin mà ba hay một cũng không biết; bạch một lần xướng ba lần có sai sót mà không hề chỉ điểm, cúi đầu lặng lẽ cho qua, phải-trái đều biết mà im lặng, ngồi ngay thẳng biểu thị hòa hợp, đồng hay biệt cũng đều nói: “Hòa hợp”. Việc thống nhiếp chúng như vậy thật đều do tam sư. Nếu có người nào biết những điều phi pháp, trái lẽ thì cần phải xét hỏi và nêu lên, không được nói càn là bậc pháp khí, đúng-sai không làm nhiều loạn tâm người ấy! Chỉ cần hàng thất chứng sáng suốt, chứ đâu cần phải nhọc lòng tùy hỷ. Vì thế, ở những vùng văn minh, khi truyền giới chỉ cần mười tì-kheo đăng đàn, còn những người khác chỉ trợ giúp. Vậy nên, đến lúc hành sự cũng có những tì-kheo vô công, phóng đăng ngồi ở tầng dưới. Điều này đến phần đầu của chương Nghi thức sẽ nêu lại.

Không làm trở ngại người mới thụ giới thì tinh thần sáng khoái, trong sáng, tác pháp có công hiệu. Nếu hàng tâm thất chứng tối tăm thì tình ý bế tắc. Vì thế, căn cứ vào hai điều này thì không được vội vàng loại bỏ.

1. Tướng thập sư đăng đàn

Vị giáo thụ A-xà-lê phải cầm lò hương đi trước, từ đường bậc thềm phía đông thuộc mặt nam của tầng dưới bước lên đến tầng trên rồi đi ra từ phía đông, vòng sang phía bắc, đi quanh đàn một vòng. Lúc ấy, vị thượng tọa đứng ở phía tây ngay trước Phật lễ ba lạy. Thập sư đứng ngay ngắn, đầy đủ oai nghi, chuyên tâm quán tưởng, thỉnh các Đức Phật hiện tại ở mười phương cùng các đại Bồ-tát, chúng Thanh văn Tăng tập hợp tại giới đàn; tám bộ trời, rồng v.v... đứng đầy khắp hư không.

Vì khi Đức Phật còn tại thế, phần nhiều khi truyền thụ giới, đều lên trên đàn. Tuy việc truyền thụ giới ấy chẳng thuộc tầng yết-ma, nhưng giới pháp “Thiện lai” cũng đồng như giới cụ túc. Sau khi Đức Phật diệt độ, các bậc thánh Tăng truyền giới đều có tôn trí nhiều tượng Phật, mô phỏng theo nghi thức khi Phật còn tại thế. Đồng thời, cũng làm cho pháp của Tăng có chỗ nương tựa, vì chẳng có Phật thì không thể được, nên mới bài trí nhiều tượng Phật, chứ không phải chỉ để thiết lập suông.

2. Đi về phía tây lên tầng thứ hai

Đặt một tòa cao ở phía nam, tiếp theo đặt ba tòa trống: Tòa thứ nhất là để tưởng niệm từ-kheo bồ-tát Đâu-điền-tà; Tòa thứ hai là để tưởng niệm từ-kheo bồ-tát Lô-chí; Tòa thứ ba là để tưởng niệm từ-kheo bồ-tát Mã-lan-tà. Vì ba vị

tì-kheo bồ-tát này là những vị đầu tiên thỉnh Phật lập giới đàn, kết giới, thụ giới. Những vị này có công với giới, nên đặt ba tòa trống để niệm thỉnh các ngài.

Khi hàng thập sư đã vận tâm quán tưởng rồi, vị giáo thụ sư cầm lò hương dẫn chúng đi về hướng phía tây, theo đường bậc thềm phía tây tiếp bước lên đỉnh của đàn. Sau đó, chuyển về hướng đông rồi quay sang hướng bắc, nhiễu quanh Phật một vòng rồi đến trước ba tòa trống đỉnh lễ từng tòa và ngồi theo thứ tự.

Trước nhất sai một vị ò-kheo ngồi vào một tòa cao tụng kinh Di giáo. Lúc ấy, nên đánh kiền-trĩ, đốt nhiều hương quý, ca tụng công đức. Những vị tăng đã tập hợp, không kể là giới cao hay thấp, tất cả đều phải đến nghe kinh Di giáo.

Khi chư Tăng ở tầng trên và tầng dưới ngồi đúng thứ tự rồi, thì sai vị duy-na dẫn những người sắp thụ giới đến đứng bên dưới đường bậc thềm phía đông của mặt nam và xoay mặt về hướng tây. Vị giáo thụ sư phụ trách dạy oai nghi từ bậc chân thềm phía đông của mặt nam bước xuống dẫn họ theo đường bậc thềm phía tây mà tiến lên, đi đến mặt trên của tầng dưới liền xoay qua hướng đông, kể đó chuyển sang hướng bắc rồi đi ra theo hướng tây.

Lại các giới tử sắp thành hàng ở phía bắc của mặt đông, đỉnh lễ Phật ba lễ rồi hốt quy nghe đến hết kinh. Vị duy-na lại dẫn đến bậc thềm phía đông của mặt nam, rồi đi xuống dưới và ra đứng xếp hàng bên ngoài giới trường. Nếu người nào chưa nắm rõ những oai nghi rẽ phải, rẽ trái, cúi xuống, ngược lên thì sai vị duy-na biết pháp chỉ dạy thật cẩn kẽ rồi dẫn họ đi theo chậm rãi và trang nghiêm.

Đến khi vãn nạn, vị duy-na dẫn tất cả người thụ giới vào trong giới trường. Nên sắp đặt chỗ ngồi ở phía nam của đường bậc thềm phía đông để vãn già nạn. Những người thụ giới cụ túc đến bên chỗ ngồi, ôm y và bát đứng ở bậc thềm phía đông, mặt quay về hướng bắc. Vị giáo thụ sư từ bậc thềm phía đông của mặt phía nam bước xuống, đầy đủ oai nghi, khiến cho mọi người ưa nhìn. Cho nên, trong luật nói giữ gìn oai nghi, không mất phép tắc, như tì-kheo Át-bỉ dùng oai nghi để hàng phục tà đạo. Vì thế nên biết, phép dùng oai nghi để chấn chỉnh chúng sinh đã có từ lâu rồi!

Khi đến nơi vãn nạn, sắp đặt chỗ ngồi xong, vị giáo thụ thân lấy y, bát của người thụ giới, bảo họ cởi giày, dép rồi bước vào chỗ ngồi. Trước lấy ni-sư-đàn ra để thụ trì, sau đó bảo họ ngồi lên. Kế đó lấy y an-đà-hội, sau khi thụ trì, thì bảo họ đắp vào. Tiếp theo là lấy uất-đa-la-tăng, sau khi thụ trì, thì bảo họ đắp chồng lên trên. Cuối cùng là lấy tăng-già-lê, thụ trì, rồi cũng bảo họ đắp lên thân. Bấy giờ, vị giáo thụ lại dạy những người thụ giới: "Tên gọi của ba y này chỉ có trong Phật pháp, chín mươi sáu phái ngoại đạo đều không có, vậy sao lại không quý? Vì thế, nên nói tọa cụ ni-sư-đàn như nền móng của tháp. Nay các ông thụ giới tức xây dựng nền móng cho năm phần pháp thân, vì năm phần pháp thân thành tựu là nhờ giới. Nếu các ông ngồi mà không có tọa cụ thì năm phần định, tuệ không có chỗ để phát sinh. Cho nên mới nói tọa cụ giống như là nền móng của ngôi tháp. Còn ba y đoạn trừ ba độc. Trong đó, y năm điều còn gọi là y hạ, có công năng đoạn trừ tham thuộc về thân. Y bảy điều hay còn gọi là y trung, có công năng đoạn trừ sân thuộc về khẩu. Đại y hay còn gọi là y thượng, có công năng đoạn trừ si thuộc về tâm".

Trình bày đầy đủ như thế, tùy thời mà giảng dạy. Việc hỏi già nạn đến đây đã xong. Việc thụ trì y, các bộ phái đều tiến hành trước khi vấn nạn, nhưng thấy ngày nay lại thực hành sau khi thụ giới, việc này không có văn bản chứng minh, nên không đáng để áp dụng.

Vị giáo thụ kia y theo những oai nghi thông thường, từ bậc thềm phía đông của tầng dưới đi lên, khi đến mặt trên của tầng dưới quay sang phía tây. Khi lên đến hết bậc thềm phía tây thuộc mặt nam của tầng thứ hai, thì xoay sang phía đông, đến trước tượng Phật đỉnh lễ ba lạy. Lễ Phật xong lại chuyển sang phía đông, rồi vòng qua hướng bắc, đến đứng trước và cách thầy yết-ma một cánh tay. Sau khi tác bạch gọi giới tử xong, thì đến bậc thềm phía tây của mặt nam gọi họ vào. Những người thụ giới nghe lời thầy gọi liền tiến lên, vị giáo thụ dẫn họ đến đỉnh lễ chỗ ngồi của ba vị thượng tọa tì-kheo bồ-tát. Tiếp theo, sau khi tất cả đỉnh lễ hàng thập sư xong, vị thầy chuyên trách về oai nghi bảo họ quỳ trước thầy yết-ma và dạy họ xin giới. Đợi cho vị thầy dạy oai nghi ngồi rồi, vị thầy yết-ma mới theo pháp mà đơn bạch. Sau khi vấn nạn, yết-ma hòa Tăng cho thụ giới xong, thì bảo những người thụ giới quỳ trước thập sư. Khi người thụ giới đã tập hợp đầy đủ, tất cả cùng đến trước Phật, mặt quay về hướng bắc, quỳ nghe lại kinh Di giáo, rồi đứng lên. Bấy giờ, vị giáo thụ sư cầm lò hương đứng lên, đến đứng ở bậc thềm phía bắc của mặt tây để dẫn thỉnh thập sư đi xuống bậc thềm. Khi xuống đến tầng dưới thì đi ra phía nam rồi vòng qua phía đông, mặt hướng về bắc, đến trước tượng Phật đỉnh lễ ba lạy và đứng ngay thẳng.

Thập sư thấy những người mới thụ giới đến thì liền từ bậc thềm phía đông của tầng dưới bước xuống mang giày rồi

đi ra từ hướng nam, nên đi thành hàng song song giữa Hoa lâm, những người mới thụ giới đi theo sau. Khi đến khoảng giữa của giới trường và Hoa lâm thì bảo những người thụ giới đi trước, thập sư theo sau. Kế đến, thầy giáo thụ dẫn thập sư ra khỏi giới trường tiến vào đại giới và trở về nơi nghỉ ngơi thường lệ.

Những oai nghi này là hành pháp của bậc thánh, nhưng đã thất truyền từ lâu, những người chấp những điều thấy nghe thông thường cứ cho đó là những nghi thức mới. Xin mọi người phải biết rõ điều này!

Tôi bắt đầu lập giới đàn từ ngày 8 tháng 2 cho đến đầu hạ niên hiệu Càn Phong thứ 2 (667) và vẫn y như pháp cho người ghi tên thụ giới cụ túc. Bấy giờ, tổng cộng có 27 người ở khắp nơi đến xin thụ giới như từ Ung châu, Lạc châu, Quách châu, Bồ châu, Tấn châu, Bối châu, Đan châu, Phường châu, Lũng châu, Lễ châu, Kinh châu, Đài châu, Tinh châu.

Người ở những châu ấy đều thụ giới cụ túc ở giới đàn này, cho nên nêu ra tóm tắt, để biết rằng đây không phải là nhân duyên sai trái. Những người đồng pháp và những người du phương nghe tôi kiến lập giới đàn đều nhiệt tâm hưởng ứng. Tôi xin tạm nêu tên của những vị ấy để làm niềm tin cho đời sau.

Thiền sư đại đức Tăng Già ở chùa Vân Cư, núi Chung Nam.

Luật sư đại đức Chân Ý ở chùa Tây Minh, kinh sư.

Luật sư đại đức Hằng Thiện ở chùa Hoảng Pháp, kinh sư.

Luật sư đại đức Ngô Huyền ở chùa Vân Tế, núi Chung Nam.

Pháp sư đại đức Bạc Trần ở chùa Tây Minh, kinh sư.

Luật sư đại đức Hoảng Độ ở chùa Từ Ấn, kinh sư.

Luật sư đại đức Đạo Thành ở chùa Dao Đài, Chiêu Lăng.

Luật sư Trí Thiện ở chùa Long Trì, núi Chung Nam.

Luật sư Trí Nhân người Tân-la ở chùa Quang Minh, kinh sư.

Thiền sư sa-môn Pháp Tạng ở Tây nhạc, Hoa châu.

Thiền sư Tuệ Nhẫn ở An Bảo, Kinh châu.

Thiền sư Đạo Ngộ ở chùa Thiện Tập, Kinh châu.

Thiền sư Tuệ Trang ở chùa Bạch Nham, núi Thiên Thai, Đài châu.

Luật sư Tuệ Tuyền ở chùa Báo Thiện, núi Hiên, Hoài châu.

Thiền sư Tuệ Liễn ở chùa Thăng Giác, Kinh châu.

Thiền sư Tuệ Nghiễm ở chùa Khai Thánh, Kinh châu.

Pháp sư Tuệ Tường ở chùa Trắc Dĩ, Kinh châu.

Pháp sư Huyền Trách ở chùa Vô Lượng, Kinh châu.

Pháp sư Thủ Tiết ở chùa Thiên Cung, Lạc châu.

Pháp sư sa-môn Đàm Tường ở Tấn châu.

Luật sư sa-môn Danh Khác ở Đông Nhạc.

Thiền sư Hành Thao ở chùa Không Quán, kinh sư.

Thiền sư sa-môn Pháp Độ ở Mạch Tích Nham, Tần châu.

Luật sư Nghĩa Phương ở chùa Hưng Quốc, Quắc châu.

Luật sư Đức Hành ở chùa Trường Sa, Kinh châu.

Luật sư Hoài Tổ ở chùa Hoằng Tế, Kinh châu.

Ngoài những vị như vừa nêu trên, còn có nhiều vị mà ở đây không nêu ra hết. Đến như các sa-môn ở chùa Đại Thúy Vi v.v... ở núi Chung Nam và những vị ở ẩn chốn non cao, an trú nơi đồng vắng, những người tìm thầy hỏi đạo, dù vội vã hay ung dung, họ đều chỉnh trang y phục đến bên đàn cao quan sát phép tắc, chuyển thân theo mà nhìn. Những người kính ngưỡng, thì hoặc ở chỗ đất trống ngoài giới, thuận tâm vui theo, đứng thẳng, chắp tay. Còn người ưa thích oai nghi ấy thì tính đến hàng trăm.

Hành sự xong, vị duy-na dẫn giới vào nhà ăn, ngồi thành hàng và cúng thức ăn cho họ. Những người nữ có lòng tin trong sáng, những người lớn tuổi trong làng đến đầy cả viện. Họ đều chắp tay vui theo, đứng yên ca ngợi. Đó cũng là một phen may mắn, nhớ lại cảnh giới thanh tịnh từ nghìn xưa.

10. Công năng xa gần.

Xét về đất kết giới, tùy theo giới hạn mà có thể bên dưới đến tận mé kim cương luân[28], dù trải qua kiếp Hoại, thì cũng trọn không bị hủy. Như các luận nói, khi Phật pháp sắp diệt, pháp kết giới ấy sẽ bị mất. Nhưng cũng có sư luận nói: “Giới đã kết trước không mất, thì giới kết sau sẽ không thành”. Đây là nghĩa chính.

Nay theo các truyền thuyết, ở Thiên Trúc và Ấn Độ đều có dấu vết bậc thánh, dù trải qua nhiều kiếp nhưng đến nay vẫn còn. Đến như việc vì tám chữ mà xả thân[29], chứng cứ người con gái đổ máu; tướng đau khổ đập xương rút tủy; di tích của việc trải tóc che bùn quả nhiên còn sắp xếp rõ ràng, khai quật thì thấy dấu vết vẫn như xưa. Dựa vào những chứng cứ xưa này để biết rằng giới đã kết chẳng mất.

Các vị sư ở Ấn Độ giải thích tướng kết giới theo hai cách: Thứ nhất, họ cho rằng tướng thánh kết giới đều là công của các vị thần. Việc bị tai kiếp lửa đốt, nước cuốn trôi là việc chỉ có ở thế tục, mà thế tục thì chẳng thể hủy hoại pháp tắc của đạo. Cho nên, đạo pháp tồn tại mãi mãi, dẫn đến tướng kết giới từ trước đến nay vẫn không dứt mất. Có luận sư nói: “Đó là hóa tích của Phật làm lợi ích khắp mọi nơi, cuối cùng vẫn không bị hủy hoại”. Vì thế, khi tam tai nổi lên, thì đại địa tan hoại thành không, thành nước, nên khó tìm thấy dấu vết. Sau đó, thế giới hình thành trở lại, thì tất cả những nơi cũ trở lại như xưa. Cho nên, thánh tích vẫn còn nguyên như ban đầu thì thật không có gì lạ! Như hai cõi Sắc và Dục kia đều biến thành không, nhưng sau khi đã thành thì chúng đều được thiết lập lại như trước. Nghiệp lực của chúng sinh không thể nghĩ bàn; lưu hóa của Phật cũng không thể nghĩ bàn. Vậy há có thể đem sự suy nghĩ của phàm phu mà phán đoán sự tư duy của bậc

thánh sao? Vì thế, giới đã kết vẫn vững chắc, nhất định không bị tổn hoại.

Hỏi: Như những gì đã trình bày thì bốn Đức Phật ở kiếp Hiền đều có để lại dấu vết. Tuy nhiên, theo thường pháp, với việc lập chùa kết giới của Tăng, thì tướng mới lập ngày nay há không trùng với tướng giới ngày trước sao? Nếu trùng thì kết giới không thành, tác pháp thất bại! Vậy giải thích việc này như thế nào?

Đáp: Mỗi Phật giáo hóa đều có Tăng riêng, đâu có việc đệ tử của Đức Phật Năng Nhân làm đệ tử Đức Phật Âm Quang? Vì mỗi mỗi đều theo học một vị thầy của mình, nên không thể gọi là biệt chúng. Tức như Tăng trong một đời giáo hóa của đức Thích Tôn phải đủ lục hòa, nếu kiến không hòa, thì cả hai chúng đều không đủ số. Mỗi bộ chúng có một phạm vi kết giới riêng, phép tắc và chỗ thấy nghe khác nhau. Vì thế, nên biết Tăng giới của Đức Phật trước không trở ngại hành sự của Đức Phật sau.

Trong luật sao nói có năm cách kết lẫn nhau, mà mỗi mỗi không ngăn ngại nhau. Nhưng nền móng cũ của Đức Phật trước, Đức Phật sau đều y theo đó mà lập. Như đất ở Kì-hoàn, nước Xá-vệ là nơi mà chín mươi một kiếp, các Đức Phật thường đến giáo hóa. Tôn giả Thân Tử thấy hang kiến mà sinh lòng thương xót. Những việc như thế có thể biết được. Ngoài ra, còn có nhiều việc khác nữa, nhưng vì sợ văn rườm rà nên lược bớt.

11. Ca ngợi và bàn về công đức.

11.1. Văn mở đất, xây dựng giới trường

Ngày 8 tháng 2 niên hiệu Càn Phong thứ hai (667), đời Đường, sa-môn Thích Đạo Tuyên ở chùa Tây Minh, kinh sư cùng với các sa-môn ở các châu khắp nước nghiên cứu, khảo sát luật nghi, bàn thảo những việc quan trọng và quyết định chọn thôn Tuân Thiện, làng Thanh Quan phía nam sông Lễ, sông Phúc thuộc phía nam ngoại ô Kinh đô, là nơi có nhiều người trì luật để kiến lập giới đàn.

Vốn dĩ ba môn giới, định, tuệ là cái nơm tốt của chúng thánh; nhiếp luật sinh thiện là phương tiện cứu khổ của ba đời chư Phật. Vì thế nên biết, giới là cội gốc vào đạo, là nền móng thoát tục. Đấng Hoàng Giác nương vào đây mà mở ra quyền giáo, chính pháp nhờ đây mà tồn tại lâu dài. Vì thế, bốn y[30] thống lĩnh thiên hạ, ắt phải noi theo giới mà khai thông suốt tối tăm; năm thừa đồng vận hành, cũng nhờ giới mà giảng lưới giáo hóa.

Từ khi giáo pháp truyền đến phía đông, trải qua bảy trăm năm, vẻ danh và thật của danh từ 'giới trường-giới đàn' thường bị lầm lẫn. Theo luật và luận trình bày thì danh từ 'trường' và danh từ 'đàn' thường được dùng song song, nhưng mỗi mỗi đều đầy đủ cơ duyên, cứ tùy theo việc mà gọi là 'trường hay đàn'.

Vào đời Tấn có giới đàn Nam Lâm ở Dương Liễu. Thánh sĩ Đức Khải là người xây dựng đầu tiên. Nhưng ở Trung Quốc vào thời ấy hoàn toàn không nghe nói là thật hay giả. Có người cho đại giới là giới trường, cho khu đất bằng phẳng là đàn. Ấy là do giáo pháp bị tiêu diệt ba lần, sau đó mới phát triển lại mà còn bị giới hạn. Hoặc do tâm các bậc thầy độc đoán, thảo luận không y cứ vào kinh giáo.

Phàm sáng lập giới đàn là chỉ hoằng truyền giới luật; bởi thuộc luật nghi nên tổng gom không-hữu. Nói về tình thì đầy khắp đại thiên, luận về pháp thì bao quát sáu vị. Âm, nhập, giới, xứ đều là nhân duyên của giới; bậc thượng thánh hay hàng hạ phàm đều nhờ giới bảo vệ. Vì thế, dù cho tiểu giới hay đại giới thì cũng mở ra hành nghiệp trước sau; có nguyện hay không nguyện đều để hiển bày tâm nhân tiêm-đốn. Kinh trình bày giới tụ của bồ-tát, không bạch tứ thì không sinh; luật nói rõ chính giới của thanh văn nhờ thập Tăng[31] mà đắc quả. Nếu muốn cử hành pháp yết-ma tất phải nhờ đến đàn và trường. Cho nên, lấy giới pháp làm tên mà gọi là giới trường hay giới đàn, thì hoàn toàn đều là gốc của tịnh hạnh. Đại giới vừa hưng khởi, thì Tăng và pháp đồng thành lập. Đến như luận về tác nghiệp, thì giới trường được sử dụng nhiều hơn. Thế nên Tăng tồn tại, pháp tồn tại mỗi mỗi đều có nguyên nhân.

Nay lập trường của giới đàn hoàn toàn làm theo yếu chỉ của giáo; dựng ba tiêu tướng để chia làm hai giới; khoanh đất trống để dứt hết những mối nghi lầm. Trước kết tiểu giới làm gốc của trường và đàn; kế đó tập hợp Tăng tại cương giới tự nhiên để họ hiểu được ý nghĩa khác nhau giữa đồng và biệt. Ba lần nêu tướng ngoài của giới trường, bạch nhị để ước định rồi kết. Vì thế, bậc thêm xếp ngay ngắn trang nghiêm, để biết rõ bước chân lên-xuống; bốn phương đặt yên ở bốn góc, hầu nhận biết bóng mặt trời nghiêng hay thẳng.

Tiếp theo sau là kết đại giới. Tăng phải ra khỏi giới trường, tùy theo tướng mà tất cả đều tập hợp, xướng riêng, kết riêng. Nhờ vậy, mà việc Tăng ở bốn phương không một dấu vết trái nghịch; đức sáng lục hòa có nhiệm vụ thể hiện công năng. Tác nghiệp thành tựu thì bảy vạn năm không

mất; Tăng có đức mà tự tại thì tam tai biến chuyển cũng không tiêu. Vì thế nên nói lập giới trường không phải lập sông. Thành thì Phật pháp tồn tại mãi mãi, hoại thì chính pháp diệt vong.

Lời này chẳng phải hư dối, lại càng nên cẩn thận! Vì thế, nên biết việc thụ giới tùy thuộc vào giới trường và đại giới. Giới nhờ vào đất ấy mà được hưng thịnh. Hai nghi trì và phạm cũng nhờ đó mà trở lại thanh tịnh. Cho nên kinh ghi: “Nếu không có giới này thì các điều thiện không sinh”.

Giới thật là nền móng của định và tuệ, là thuốc hay để chữa phiền não và nghiệp. Gần đây những người hành sự phần nhiều đều xem thường việc này, nên không đắp nền đàn mà tùy tiện truyền thụ. Hoặc kết bậy tiểu giới mà chẳng phải vì nạn duyên; hoặc tự tiện ở trong điện Phật, khiến Tăng đều xoay lưng lại với tượng; hoặc ngồi thành vòng tròn nơi đất trống; hoặc ở trong thôn làng, không biết pháp biệt chúng, tụng văn kết sông. Những cách thức ấy nhiều hỗn loạn, không đáng để trình bày.

Cho nên trong Tăng truyện ghi: “Tăng Trung Quốc từ xưa đến nay, nếu muốn thụ giới, đều đến Dương Đô, neo thuyền trên sông, kết giới riêng rồi thụ giới. Có người hỏi lí do, những vị ấy đáp: “Pháp bản kết giới giống và khác rất khó biết. Cho nên ở trên thuyền kết giới thì tường rõ ràng mà không có nạn duyên. Vì thế, pháp thuyết giới v.v... có thể không thành được sao?”.

Nếu muốn giữ vững chính pháp, hoằng dương và bảo vệ phép tắc của bậc thánh, đoạn sạch phiền não, mà không có giới thì không thể giải thoát, không có giới địa thì nghiệp không có chỗ nương tựa. Luống cào tóc, đắp ca-sa, mà

lòng không có thánh pháp thì chỉ phí mất một đời, chết rồi trầm luân vạn kiếp, há không liên lụy mình và người, uổng làm dòng dõi Thích Tôn ư? Vì vậy, “những vị tăng thanh tịnh kia hết sức siêng năng và khổ công như thế, mà người sinh tử này lại cứ thản nhiên như thế!”. Những lời khuyên răn của ngài Đạo An thật không thể nghĩ bàn!

Có người nghe kết giới thì kinh ngạc và chê trách. Tôi bảo người ấy: “Tôi không dám lập dị. Đó chỉ là một pháp mà các kinh đều có dạy đầy đủ, do người không thực hành mà thôi”.

Trộm nghĩ! Những điều được giảng giải của tịnh giáo nương vào pháp làm gốc; văn trình bày dấu ấn của bốn thuyết, lời di huấn lại nói về công năng của Tam tạng; thuận thì đó là điểm khởi đầu để xiển dương Tam bảo, nghịch thì đó là dấu vết sau cùng diệt Tứ tăng. Văn ghi: “Giới trường nhỏ nhất phải chứa được hai mươi một tì-kheo”, đây là nói bề rộng của đàn. “Phải đến chỗ đuổi trọn cánh tay chạm được”, đây là nói bên trong đàn không bị ngăn che. “Phải chừa khoảng trống ở giữa”, đây là nói hai giới không tiếp giáp nhau. “Kết giới trường rồi, đại giới bao quanh giới trường”, đây là nói phép tắc trước-sau. “Chỉ tôn trí Phật điện”, đây là nói chỗ nương tựa của Tăng bảo. “Nếu có Tăng trụ, có việc hổ thẹn thì phải loại trừ”, đây là nói có Tăng biết hổ thẹn tôn kính giới bảo vệ thì dễ thành tựu đạo nghiệp.

Văn nêu có các đại đức lâm đàn, tức Tăng ở trên đàn không theo phép tắc thông thường của trường dưới đất, đàn ấy chỉ có giới trụ. Ngày nay có nhiều tăng trụ, cho nên chắc phải hiểu rõ những lời dạy chân thật. Nếu như những nghĩa này khó chấp nhận, thì nên dùng văn nêu rõ, trình bày

hình dạng rõ ràng, chú tâm cẩn thận, sớm hôm đối chiếu nghiên cứu, kính tuân theo di chúc, dẫn chứng đầy đủ, rõ ràng để mãi mãi về sau không còn ai mê lầm nữa.

11.2. Bài minh ở giới đàn chùa Tịnh Nghiệp, làng Thanh Quan, huyện Trường An, Ung châu, đời Đại Đường

Việc thành lập giới đàn vốn đã có từ lâu. Đầu tiên bắt đầu ở Kỳ Thụ, rồi dần dần lưu truyền đến phía nam Hoài Hải. Giới đàn mở ra oai nghi phép tắc trong một đời giáo hóa của Phật, thổi ngọn gió nhân vào khắp hoàn vũ. Để có được nơi nương tựa của định-tuệ, nếu chẳng phải giới thì không biết lấy gì làm nền móng; để trở thành nơi nương tựa của hành nghiệp thì chỉ có luật nghi mới có thể gánh vác nổi. Vì công đức của giới ấy đã rộng nên vùng đất tâm thường không thể giữ gìn lâu dài. Vì công dụng của giới ấy vốn đã cao, há những việc tầm thường có thể kết thành!

Vì thế, mới thiết lập giới trường riêng ở trong tăng viện. Trong giới trường xây thêm nền và thiết kế bậc thềm. Bậc thềm phân chia đều khắp bốn mặt; đàn tháp cao lớn uy nghiêm, là nơi được thần linh bảo vệ, là chốn phàm thánh kính ngưỡng, tập hợp Tăng để tác nghiệp. Cho nên, dù trải qua ba tai thủy-hỏa-phong mà không hủy hoại; lên-xuống, nhận làm đều kinh động đến nghìn xưa. Thế thì việc giáo hóa được rộng xa, thật là nhờ công đức của giới; phiền não tiêu sạch, tất cả đều nhờ năng lực của đàn trường. Gom những thành quả ấy lại, há không to lớn ư? Nếu không dựng bia khắc minh thì làm sao mở ra con đường đến bờ bến? Nay tóm tắt sở duyên, thành bài minh:

Cửa tối chưa mở

Hoảng đạo này diệu
Không nhờ Năng Nhân
Ai truyền rộng được?
Làm sao truyền khắp?
Chỉ có sức giới
Tam thánh hưng thịnh,
Tứ sinh kính ngưỡng.
Hang tối liền bít
Một nhọc chưa dừng
Kéo dài mãi mãi
Phép tắc từ đâu?
Xưa ở vườn Cấ[32]
Thế Tôn chỉ dạy
Xây dựng trường đàn
Mở bày việc tốt.
Sông Vàng[33] đã cạn
Cửa Ngọc[34] soi cao

Đạo truyền Hoài Hải

Nam Lâm liên thịnh

Chu dựng linh đài[35]

Minh đường[36] Hán phá

Tuân theo Đế trước

Tạo tiếp các vua.

Pháp thức giới đàn

Chỉ nương vương pháp

Thịnh gốc giáo hóa

Mãi mãi không cùng.

Có người thông đạt

Là tăng kiệt xuất

Đức trên bậc hùng

Trí trùm anh kiệt.

Mô phạm Tề, Lương

Khí tiết tăng, tục

Pháp đàn dựng phấp

Tượng đặt mọi nơi.

Gọi là Văn Quốc

San núi lấp biển

Người nghi tông này

Người chết pháp diệt.

Trung Nguyên mất dấu

Pháp diệt ba lần

Chùa Phật hoang sơ

Pháp lữ đau xót.

Xét kĩ lỗi ấy

Biết đàn không móng

Mới theo phép xưa

Thuật rõ cách thức

Để giữ nghìn thu

Văn ấy vẫn còn!

11.3. Bài minh giới đàn Xá-lợi Phật ở chùa Tịnh Nghiệp, làng Thanh Quan, phía nam sông Lễ, sông Phúc thuộc phía bắc Nam Sơn

Ngày mùng 1 tháng tư năm Đinh Mão, niên hiệu Càn Phong thứ hai (667), đời Đại Đường, sa-môn Đạo Tuyên ở chùa Tây Minh, kinh sư cùng với các vị sa-môn khắp nơi tập hợp trước đạo tràng Tịnh Nghiệp, bàn thảo về pháp luật.

Kính nghĩ, giáo pháp của ba vị thánh lấy giới làm đầu; bốn loài đều qui kính, thuận làm theo không dứt. Vì thế để giúp cho chính pháp tồn tại sáu vạn năm, việc giáo hóa cốt ở luật nghi; thời gian trải qua ba tai biến, khởi đầu cốt nhờ vào định tuệ. Vì thế, mới dám kế thừa công nghiệp xưa mà tạo dựng trường đàn, đào đắp xá-lợi để trấn giữ đất phúc này. Cầu xin Hoàng Giác từ bi chiếu giám, khiến nghiệp lớn trùm khắp vũ trụ không cùng; để lại sự nghiệp vinh quang, công cao thật có thể cứu độ càng xa rộng. Lời tựa trình bày không đủ, nên mới soạn một bài minh ngắn gọn:

Hoàng là Chính Giác

Giáo hóa ba cõi

Giới là pháp hay

Bàn tròn vạn thiện

Băng lạnh hơn nước

Xanh sẫm hơn lam

Chẳng nhờ dây kết

Phép nào kham nổi?

Pháp lữ khắp nơi

Tùy thời vân tập

Xây dựng phúc đàn

Giống như tòa núi.

Giới hộ là thêm

U minh đều lên

Vĩnh viễn đời sau

Lấy làm phép tắc.

Xin thuật duyên do

Lưu truyền cùng khắp.

Bài này do sa-môn Vô Hành, chùa Đẳng Giới, Kinh châu, khi giáo hóa ở Tần Xuyên, gặp pháp hội hưng thịnh này nên mới ca ngợi mà thuật lại.

11.3. Ngày mùng 1 tháng tư niên hiệu Càn Phong thứ hai (667), đời Đại Đường, sa-môn Vô Hành, ở Chử Cung, Kinh Nam ca ngợi xá-lợi trên giới đàn

Chúng tôi đặt chân lên non Kinh, tìm đường đến Tần lĩnh; tiếp nhận luật nghi từ các bậc thượng đức, nên nghe được điều chưa nghe; lãnh thụ tịnh giới từ linh đàn, nên điều thiện tăng, ác giảm. Vì thế, Hoàng Giác từ bi dạy bảo: “Giáo pháp do con người hoằng truyền”. Phong cách cao thượng ở Kỳ Thụ, tâm thầm hợp thì điềm lành cảm hiện. May mắn gặp được pháp hội tôn quý mà chôn linh cốt nơi

phúc đàn; lưới huyền vừa có mối giềng, lại nghĩ chẳng còn cách xa thánh sĩ Đức Khải. Vì lòng không thể kèm chế nổi vui mừng, đến nổi tay chân phải múa may; ngưỡng mộ uy quang, nên mạnh dạn thuật lại đạo cả bằng lời ca:

Giác trí tròn sáng

Ứng vật hiển linh

Chẳng diệt mà diệt

Không sinh hiện sinh.

Nói pháp độ người

Mở ra tam học

Trường đàn uy nghiêm

Giới đức huân kết.

Sông Vàng mờ bóng

Rừng Hạc lắng thần

Năng Nhân nhập diệt,

Đa Bảo hiện thân.

Ánh sáng chiếu soi

Điềm lành ứng hiện

Hai tướng vẫn còn
Tám học bình quân.
Sau đó Vô Ưu
Nhân đây sinh tín
Phân chia bảo vệ
Trấn giữ linh tháp
Linh tháp hiện lạ
Non Chấn đặt nền
Phù Phong tỏa sáng
Hoài Hải rạng ngời.
Đến từ Kinh Tụ
Tìm chân Thái Nhất
Ngọn gió hiếm gặp
Truyền mãi đến nay.
Đàn giống thế núi
Lên xuống thứ tự
Trấn bằng xá-lợi

Chí thành là quý

Nguyện truyền rộng xa

Nghĩ nhớ tôn sùng

Gương thức sáng trong

Sông tâm lặng sóng.

Ngõ hầu kiếp Thạch mới tiêu

Thấy minh châu nơi diệu tướng.

11.5. Phép tắc giới đàn ở Quan Phụ, Trung Nguyên, đời Đại Đường.

Tôi chọn ngày mùng 8 tháng 2 niên hiệu Càn Phong thứ hai (667) lập giới đàn. Sa-môn khắp nơi nghe tiếng từ những mọi miền xa xôi tập hợp về hơn hai mươi người. Đến đầu hạ, mọi người lại tụ tập và bắt đầu thụ cụ túc giới. Phần đông những vị ấy đều là người ở phương xa đến, còn những vị đồng học thuộc các chùa ở kinh đô thì chỉ đến để xem xét việc lập đàn truyền giới.

Tôi vì lợi ích của pháp mà khát khao được thực hành, nhưng sợ có chỗ sai trái, nên phải làm cho trên dưới hòa thuận, vui vẻ và lấy việc thành tựu làm đầu. Có thầy Chân Ý ở chùa Tây Minh là một luật sư nổi tiếng ở kinh sư thời bấy giờ. Sư này hưởng dụng rất nhiều, tính tình mạnh mẽ. Điều mà vị ấy lo ngại nhất là nếu quay trở về phía đông, đi nhiều theo chiều bên trái, thì không hợp với những hành sự ở thế gian.

Tôi an ủi vị ấy:

– Luật sư chớ thấy quay trở về phía đông, đi nhiều theo chiều bên trái, rồi cho là không đúng pháp! Đây chỉ là những lẽ thường của đạo trời mà nhiều người mê lầm, chứ tập tục ít phân biệt. Xin ngài hãy thấu hiểu được việc ấy, chớ lo là có lỗi lầm.

Vị ấy liền nói với tôi:

– Tôi không dám nghi ngờ về việc ấy. Trước đây, tôi từng thấy khi hành đạo thì thiền sư Cung, một vị đại đức ở chùa Đại Trang Nghiêm đều quay sang phía đông rồi chuyển qua hướng bắc, đây là đi nhiều theo chiều bên phải. Lúc đó, vị ấy nói với tôi: “Ông không thấy tất cả cửa thành trong nhân gian đều đi vào từ cửa đông, đi ra từ cửa tây, hoặc nói đi ra từ cửa trái, đi vào từ cửa phải sao?...”.

Các nhà chuyên về hành sự, xem xét những phép tắc đương thời, thấy các phương pháp khác không thanh tịnh nên không áp dụng. Năm tôi 70 tuổi, chân đau, gối mỏi, mong cho những người cầu pháp không ngại đường xá xa xôi mà đến. Mùa thu năm nay khí hậu mát mẻ, tâm lý khách lại phát khởi, phân phó công việc của một đời, nhất định sẽ thanh thản lúc thị tịch. Thế là tôi ra sức biên tập để làm tặng phẩm cho ngày mạng chung. Nói đến điều này thì một mình nuốt lệ, thật đáng buồn thay!

Ngày mùng 14 tháng 2 niên hiệu Càn Phong thứ hai (667), nhân kết tịnh địa đại giới tại Thanh Quan mà soạn bài cáo Tịnh trụ.

Đạo của tổ ta giống như Hi Hòa[37], cao hơn Ngung Di[38] thì có điều gì mà không sáng tỏ! Tôi may mắn là ngay từ nhỏ đã tìm được thầy để hỏi đạo, nghiên cứu nghĩa lí sâu xa. Nhưng thời bấy giờ triều đình ước chế hàng tăng lữ, đạo sĩ khiến việc truyền đạo rất khó khăn nên tôi vẫn phải chịu ngu muội ở tại chùa Khai Nguyên và Chiêu Khánh. Gặp lúc sư Chứng Ngộ Y Chỉ xây dựng lại giới đàn, nên tôi tham dự vào việc xem xét lại phép tắc. Khi đàn sắp xây xong, nhân nghĩ đến tác phẩm Giới đàn đồ kinh của tổ ta biên soạn, ngài Chân Ngộ ghi chú, tuy từng khắc bản, nhưng bị binh lửa đốt cháy tiêu hết. Tôi sợ đạo ấy mai một, nên mới quyên góp tài vật từ thí chủ khắp nơi, rồi vẫn cứ y theo bản cũ, hiệu đính lại và cho khắc bản lưu hành. Làm việc này, mong cho bản kinh rực sáng mãi mãi, không bị thất truyền, khiến người đời sau biết được tầm quan trọng và cao quý của phép tắc giới đàn.

Ngày mùng 1 tháng 12 niên hiệu Thiệu Hưng 22 (1152) đời Tống.

Tì-kheo Duy Định trụ trì viện Cảnh Đức ở Ngọa Long ghi.

*

Chú thích:

[1] Hành sự 行事: thực hành nghi thức pháp hội theo một qui tắc nhất định. Ngoài ra, người giữ một công việc nhất định nào đó cũng được gọi là Hành sự “hành sự”.

[2] Phương tướng 方相: phạm vi kiết giới có hình vuông, một trong năm hình thức kiết giới tướng.

[3] Bát kính giới 八敬戒 (S: Aṭṭha Garu-Dhammā): tám pháp mà tì-kheo-ni phải cung kính tôn trọng tì-kheo. Sau khi Đức Phật thành đạo bốn năm, di mẫu Ma-ha Ba-xà-ba-đề đề cùng 500 người nữ cầu xin xuất gia Phật không chấp thuận, với lí do chính pháp trụ ở đời 1,000 năm sẽ giảm bớt 500 năm, nếu độ người nữ xuất gia.

[4] Các nước ở Tây Thiên 西天諸國: chỉ cho các nước ở phía tây Trung Quốc, phần nhiều chỉ cho Ấn Độ.

[5] Luật Thập tụng 十誦律: quảng luật, 61 quyển, do hai ngài Phất-nhã-đa-la và Cưu-ma-la-thập cùng dịch vào đời Dao Tần, Trung Quốc, được xếp vào Đại Chính Tạng, tập 23.

[6] Ngũ bách vấn 五百問: tức kinh Phật thuyết Mục-liên vấn giới luật trung ngũ bách khinh trọng sự.

[7] Hổ quy 互跪: một tư thế quì của người Ấn-độ.

[8] Xích 尺: Đơn vị đo chiều dài của Trung Quốc thời xưa, tương đương với 0m33.

[9] Cân 斤: một đơn vị đo trọng lượng của Trung Quốc thời xưa, bằng 16 lạng.

[10] Quán đỉnh 灌頂 (S: Abhiṣecana): nghi thức dùng nước rưới trên đầu ở Ấn-độ thời xưa. Khi vua lên ngôi và lập Thái tử, quốc sư dùng nước bốn biển lớn rưới lên đỉnh để chúc phúc.

[11] Ba không 三空: ba thứ ‘Không’ được lập ra dựa vào sở chấp của chúng sinh, gồm: ngã không, pháp không và câu không.

[12] Tầng thứ nhất cao một khuỷu tay, tầng thứ hai cao hai khuỷu tay rưỡi (nghĩ là một mới đúng, vì chỉ còn hai khuỷu rưỡi mà thôi), tầng thứ ba cao hai tấc. Như vậy, ban đầu đàn có ba phần. Sau đó, Đế Thích đắp thêm một lớp giống hình cái nồi úp, nên thành bốn lớp. Rồi Phạm Vương che thêm bảo châu, nên thành năm lớp. Như vậy, là có đủ năm phần.

[13] Do-tuần 由旬(S: Yojana): đơn vị đo chiều dài thời xưa ở Ấn Độ. Tiếng Phạn: Yojana, có nghĩa là mang ách, phát xuất từ chữ gốc “yuj” chỉ đoạn đường con bò mang ách đi một ngày.

[14] Tứ thiên vương 四天王: Bốn vị thiên vương, là ngoại tướng của trời Đế Thích: Trì Quốc thiên trấn giữ phía đông, Quảng Mục thiên trấn giữ phía tây, Tăng Trưởng thiên trấn giữ phía nam, Đa Văn thiên trấn giữ phía bắc. Giữa lưng chừng núi Tu-di có một ngọn núi tên là Do-kiền-đà-la. Ngọn núi ấy có bốn đỉnh và có bốn vị thiên vương ở trên bốn đỉnh đó. Mỗi người bảo hộ một thiên hạ; vì thế, nên gọi là Hộ Thế Tứ Thiên Vương. Chỗ của những vị ấy ở gọi là Tứ Vương thiên.

[15] Thích Bảo Xướng 釋寶唱: cao tăng Trung Quốc, sống vào đời Lương, họ Sầm, quê ở quận Ngô (huyện Ngô, tỉnh Giang Tô). Từ hồi còn trẻ Sư đã vào chùa Kiến Sơ xuất gia với ngài Tăng Hựu, học hết kinh luật. Sau Sư đến ở chùa Trang Nghiêm xem nhiều kinh văn, hiểu sâu nghĩa lí.

[16] Đây nói theo một mặt đồ hình của giới đàn, còn ba mặt khác thì thấp thoáng mặt bên và lưng của các thần, nên khó có thể vẽ hình. Ở trong đồ kinh thì dựa theo phương mà sắp đặt thành hình tướng, hoặc rõ ràng, hoặc ẩn giấu; lúc đứng, lúc ngồi. Về sau nếu có người xây dựng thì nên dựa theo kinh mà sắp đặt.

[17] Tự thư 字書: là loại sách dùng chữ làm đơn vị để giải thích hình thể, giọng đọc và ý nghĩa của chữ Hán, như Thuyết văn giải tự, Ngọc thiên v.v...

[18] Thốn 寸: một tấc Tàu tương đương với 0,033m.

[19] Tâm hành 心行 (S: Citta-carya): những tác dụng hoạt động hay trạng thái biến hóa của tâm, như vui, buồn, yêu, ghét.

[20] Trượng 丈: Đơn vị đo chiều dài hay chiều cao của Trung Quốc thời xưa, tương đương với 10 thước Tàu.

[21] Khoảnh 頃: đơn vị đo chiều rộng; 100 mẫu Trung Quốc.

[22] Kiền-trĩ 犍稚 (S: Ghaṇṭā): khí cụ dùng để đánh báo giờ trong tự viện.

[23] Tín thí 信施: người có lòng tin cúng dường tài vật cho Tam bảo, hoặc chỉ cho tài vật bố-thí.

[24] Lưỡng Hà 兩河: sông Ni-liên-thiên và sông Bạt-đề.

[25] Huân Dục 獯鬻: một dân tộc ở phương bắc Trung Quốc thời xưa. Vào đời Hạ và Thương gọi họ là Huân Dục. Vào đời Chu gọi là Hiểm Doãn. Vào đời Tần, Hán gọi là Hung Nô.

[26] Câu “Như luật sư Tì-ma-la-xoa nói...” e rằng sai lầm, bởi đây là kinh do Đức Phật thuyết, thì làm gì có việc Đức Phật trích dẫn lời của luật sư Tì-ma-la-xoa! Tì-ma-la-xoa là thầy của ngài Cưu-ma-la-thập người nước Kế-tân sang Trung Quốc vào thời Ngụy Tấn.

[27] Phương tướng 方相: phạm vi kết giới có hình vuông, một trong năm hình thức kết giới tướng.

[28] Mé Kim cang luân 金剛之輪: lớp kim luân ở đáy của địa tầng. Theo luận Câu-xá 11, khí thể gian do ba lớp hợp thành: phong luân là lớp cuối cùng, bề mặt rất rộng lớn, dày 16 lạc-xoa; kế đến là thủy luân, chỉ dày 8 lạc-xoa; lớp trên cùng ngưng kết thành vàng, tức là kim luân. Trên kim luân là Địa tầng gồm có 9 núi, 8 biển, 4 châu v.v... Chỗ tận cùng của kim luân gọi là Kim luân tể.

[29] Tám chữ xả thân 八字捨身: Kinh Niết-bàn kể về chuyện tiền thân của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni. Khi Ngài còn tu hành bồ-tát hạnh. Một kiếp nọ, Ngài tu khổ hạnh ở núi Tuyết, Thích-đề-hoàn-nhân biến thành la-sát để thử bồ-tát. Lúc ấy, La-sát nói hai câu đầu của bài kệ cho bồ-tát nghe rồi không nói nữa. Bồ-tát vì muốn nghe hết bài kệ nên dùng thân mạng đổi lấy nửa bài kệ sau. Nửa bài kệ sau có tám chữ: “Sinh diệt diệt dĩ. Tịch diệt vi lạc.” Nguyên bài kệ là: “Chư hành vô thường. Thị sinh diệt pháp. Sinh diệt diệt dĩ. Tịch diệt vi lạc” .

[30] Bốn y 四依: bốn hành pháp mà người tu hành y chỉ. Bốn hành pháp này là duyên để nhập đạo, là chỗ y chỉ của bậc thượng căn lợi khí, nên gọi là Hành tứ y. Vì Hành tứ y này có công năng sinh ra Thánh đạo, là chủng tử của Thánh đạo, nên gọi là Tứ thánh chủng. Đó là: 1. Mặc y phần tảo; 2. Thường đi khất thực; 3. Ngồi dưới gốc cây; 4. Dùng trần hủ dược.

[31] Thập Tăng 十僧: tập thể Tăng gồm mười tì-kheo. Đây là một điều kiện bắt buộc trong đàn truyền giới tì-kheo.

[32] Vườn Cấp 給園: tức là vườn Cấp Cô Độc.

[33] Sông Vàng 金河: tức là sông Bạt-đề ở nước Câu-thi-na, Ấn Độ.

[34] Cửa Ngọc 玉門: chỉ nơi nhà vua ở.

[35] Linh đài 靈臺: tên của cái đài, do Chu Văn Vương cho người xây dựng.

[36] Minh đường 明堂: là nơi mà các bậc đế vương thời cổ đại tuyên nói chính giáo. Nơi này dành khi cử hành các việc như hội triều, cúng tế, ban thưởng, chọn người tài, phụng dưỡng người già, dạy học v.v...

[37] Hi Hòa 羲和: là họ Hi và họ Hòa. Truyền thuyết kể rằng vua Nghiêu từng ra lệnh cho hai cặp anh em Hi Trọng, Hi Thúc, Hòa Trọng, Hòa Thúc chia ra ở bốn phương để xem thiên tượng và chế định ra lịch pháp. Hoặc chỉ cho mặt trời.

[38] Ngung di 隅夷: trong truyền thuyết thời cổ đại thì đây là nơi mặt trời mọc. Về sau phần nhiều là chỉ cho các nước ở phía đông như Triều Tiên, Nhật Bản v.v...